

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2024

BEWACO



MỤC LỤC

CHƯƠNG 01 **04**

Thông tin chung

CHƯƠNG 02 **22**

Tình hình hoạt động trong năm

CHƯƠNG 03 **44**

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

CHƯƠNG 04 **56**

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

CHƯƠNG 05 **60**

Quản trị Công ty

CHƯƠNG 06 **92**

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024



01


THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các yếu tố rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
Tên tiếng Anh:	BEN TRE WATER SUPPLY AND SEWERAGE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	BEWACO
Giấy chứng nhận ĐKDN:	Số 1300107725 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 14/12/2006, thay đổi lần thứ 8 ngày 03/01/2023
Vốn điều lệ:	294.000.000.000 đồng
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	458.012.065.131 đồng
Địa chỉ:	Số 103 đường Nguyễn Huệ, phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Số điện thoại:	(0275) 3811 533 - (0275) 3825 727
Số fax:	(0275) 3827 781
Website:	www.capnuocbentre.vn
Mã cổ phiếu:	NBT
Logo:	



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2024

Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao trong công tác ứng phó hạn mặn, đảm bảo cung cấp nước sạch, đạt chất lượng, để phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của người dân. Bên cạnh đó, Công ty đặc biệt quan tâm đến việc khai thác và quản lý các nguồn nước một cách bền vững, với mục tiêu cao nhất là cung cấp nước sạch liên tục cho cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển bền vững của toàn tỉnh.

2020

Ngày 13/03/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 7 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

2016

Ngày 01/06/2016 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (mã chứng khoán: NBT) chính thức được giao dịch trên sàn UPCoM tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2015

- Ngày 14/08/2015, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 1580/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
- Ngày 24/09/2015, Công ty đã tổ chức đấu giá bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với giá đấu thành công bình quân là 10.177 đồng/cổ phần.
- Ngày 01/12/2015, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre chính thức đổi tên thành Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre với vốn điều lệ 280.000.000.000 đồng.

2006

Ngày 01/06/2006, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ra quyết định số 1353/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cấp thoát nước Bến Tre thành Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre. Công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty TNHH MTV 100% vốn nhà nước từ ngày 01/01/2007.

2019

Ngày 02/01/2019, Công ty thay đổi Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, nâng vốn điều lệ Công ty lên thành 294.000.000.000 đồng (tăng thêm 14 tỷ đồng) bằng hình thức trả cổ tức bằng cổ phiếu, trong đó, Nhà nước vẫn nắm giữ 64% vốn điều lệ.

2023

Ngày 03/01/2023, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 8 cho Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

1992

Ngày 02/12/1992, ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quyết định số 991/QĐ-UB về việc thành lập doanh nghiệp nhà nước với tên gọi Công ty cấp thoát nước Bến Tre trực thuộc Sở Xây dựng Bến Tre.



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

LĨNH VỰC KINH DOANH

- Sản xuất và cung cấp nước sạch
- Sản xuất và kinh doanh nước uống đóng chai;
- Xây dựng công trình dân dụng;
- Xây dựng công trình công nghiệp, thi công xây lắp, cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp;
- Gia công cơ khí và các sản phẩm dùng cho ngành nước và ngành xây dựng;
- Sản xuất kinh doanh các vật tư chuyên ngành cấp thoát nước;
- Sửa chữa, kiểm định đồng hồ đo nước lạnh;
- Thi công, xây lắp chuyên ngành cấp thoát nước;
- Thoát nước bản, nạo vét và thông tắc cống rãnh;
- Dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải;
- Dịch vụ tư vấn thiết kế, giám sát, công trình chuyên ngành cấp thoát nước;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư xây dựng, quản lý dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát, lập thiết kế - dự toán, giám sát công trình chuyên ngành cấp thoát nước.

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT

Không có

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp	Số 81A, QL 60, Phường Phú Tân, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng	Số 103, Đường Nguyễn Huệ, Phường An Hội, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Phú Tân	Số 81A -QL 60, phường Phú Tân, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Giồng Trôm	Số 005, Khu phố 3, Thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, Bến Tre.
5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – cấp nước Chợ Lách	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre – Cấp nước Mỏ Cà	Ấp Mỹ Đức, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.



ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động chủ yếu là ở **Thành phố Bến Tre**. Ngoài ra, Công ty cũng chịu trách nhiệm cung cấp dịch vụ cấp nước tại các huyện như:

- Huyện Châu Thành (các xã Sơn Hòa, Tường Đa, An Hiệp, Hữu Định, Tân Thạch);
- Huyện Giồng Trôm (thị trấn Giồng Trôm, các xã Mỹ Thạnh, Phong Năm, Phong Mỹ, Châu Hòa, Lương Hòa, Lương Quới, Bình Thành, Bình Hòa, Sơn Phú, Phước Long, Thuận Điền, Tân Thanh, Hưng Nhượng);
- Huyện Mỏ Cà Nam (các xã Thanh Tân, Tân Thành Bình, Định Thủy, Phước Hiệp);
- Huyện Mỏ Cà Bắc (thị trấn Mỏ Cà Bắc và các xã Thành An, Tân Phú Tây, Phước Mỹ Trung,..);
- Huyện Chợ Lách (thị trấn Chợ Lách và các xã Sơn Định, Hòa Nghĩa, Long Thới, Tân Thiêng,..).

Bên cạnh đó, Công ty còn cung cấp dịch vụ cấp nước tại các Khu Công nghiệp (Khu công nghiệp Giao Long, Khu công nghiệp An Hiệp; Cụm Công nghiệp Phong Năm) của tỉnh nằm trên địa bàn phục vụ.

THÀNH PHỐ BẾN TRE

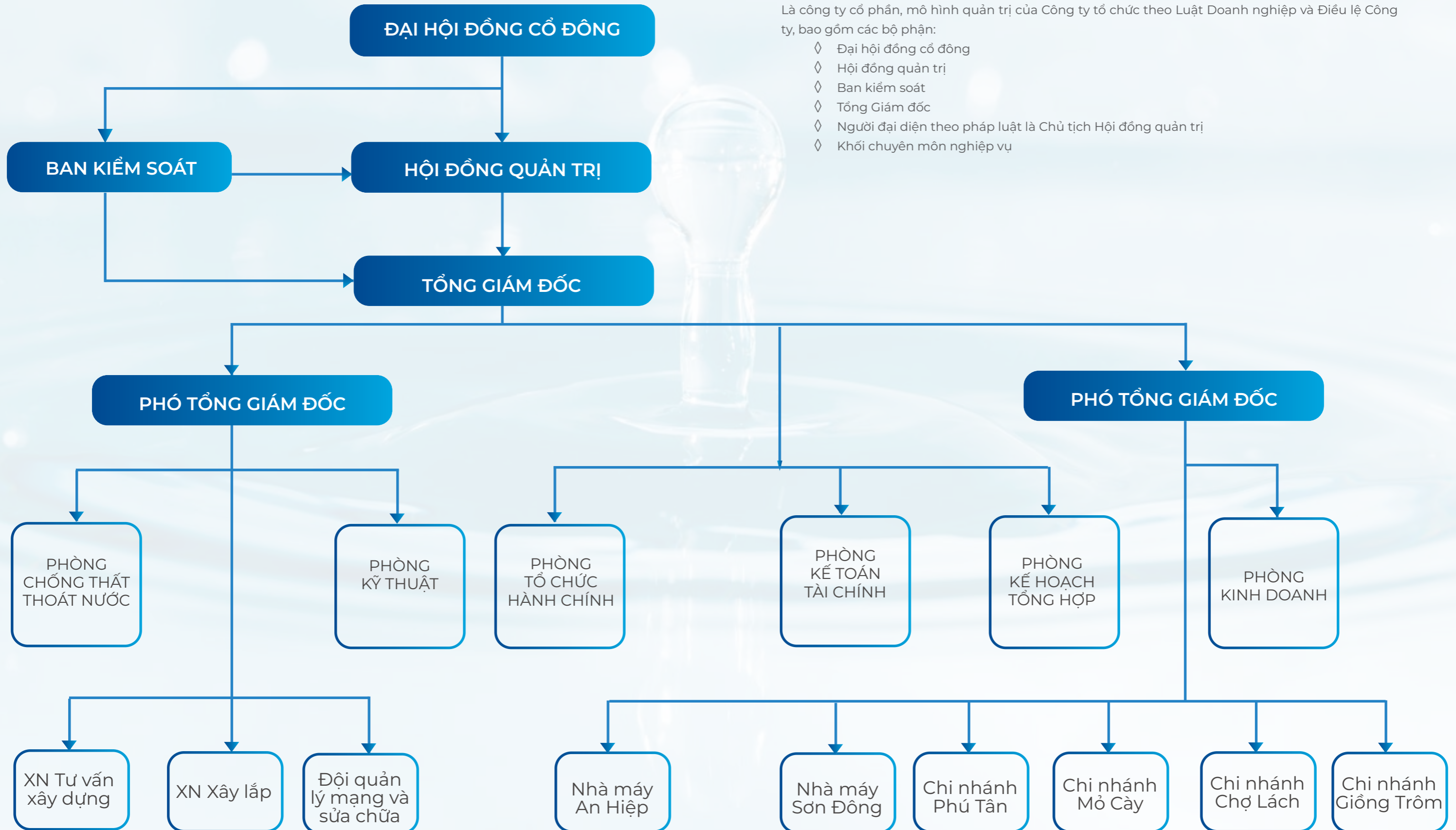


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- ◇ Đại hội đồng cổ đông
- ◇ Hội đồng quản trị
- ◇ Ban kiểm soát
- ◇ Tổng Giám đốc
- ◇ Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị
- ◇ Khối chuyên môn nghiệp vụ





CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tăng cường năng lực tài chính và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn đầu tư để mở rộng hệ thống cấp nước, nâng cấp và cải thiện công suất các nhà máy, đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong sinh hoạt và sản xuất.
- Chủ động ứng phó với tác động của hạn mặn theo chu kỳ hàng năm, đảm bảo nguồn nước sạch do Công ty cung cấp luôn đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định, đáp ứng nhu cầu của khách hàng và duy trì sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.
- Hướng đến mục tiêu giảm thiểu tối đa tình trạng hao hụt và thất thoát nước bằng cách tăng cường công tác kiểm tra, bảo trì hệ thống cấp nước, kịp thời phát hiện và xử lý các sự cố. Công ty chủ động đưa ra phương án sửa chữa, thay thế phù hợp nhằm khắc phục nhanh chóng các vấn đề phát sinh, qua đó giảm tỷ lệ thất thoát nước.
- Đẩy mạnh triển khai kế hoạch thanh toán không dùng tiền mặt, từng bước loại bỏ việc thu tiền nước trực tiếp tại nhà khách hàng. Công ty khuyến khích khách hàng thanh toán qua ngân hàng hoặc các ứng dụng thu hộ, đặt mục tiêu đến năm 2025 đạt trên 50% khách hàng sử dụng phương thức thanh toán không tiền mặt, hạn chế tỷ lệ tổn thu xuống mức tối đa.
- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng chuyên nghiệp và hiện đại, chú trọng công tác đào tạo và bồi dưỡng nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, kinh doanh, tài chính và sản xuất có chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty và hoàn thành các mục tiêu chiến lược.
- Tập trung nguồn vốn để đầu tư, cải tiến thiết bị và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất nước sạch, nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động kinh doanh. Đồng thời, Công ty không ngừng gia tăng khả năng ổn định và phát triển bền vững, đảm bảo đáp ứng nhu cầu thị trường một cách hiệu quả.
- Bên cạnh lĩnh vực kinh doanh cốt lõi là cung cấp nước sạch, Công ty sẽ nghiên cứu và mở rộng thêm một số ngành nghề mới nhằm đa dạng hóa hoạt động, tạo thêm giá trị kinh tế và nâng cao hiệu quả hoạt động chung.



CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh bền vững trong trung và dài hạn, chú trọng nâng cao hiệu quả hoạt động đồng thời cân bằng lợi ích giữa cổ đông, đối tác, khách hàng, người lao động và cộng đồng.
- Định hướng tăng trưởng và phát triển doanh nghiệp gắn liền với các mục tiêu an sinh xã hội và lợi ích cộng đồng. Đẩy mạnh đầu tư mở rộng hệ thống cấp nước, cung cấp cho các khu dân cư tập trung, các tuyến đường mới, cũng như các khu và cụm công nghiệp, nhằm gia tăng tỷ lệ khách hàng sử dụng nước sạch.
- Tập trung phân vùng và tối ưu hóa hệ thống mạng lưới cấp nước; đẩy mạnh các giải pháp phòng chống thất thoát nước, ứng dụng công nghệ hiện đại trong phát hiện rò rỉ đường ống, đồng thời triển khai biện pháp quản lý hiệu quả nhằm xác định nhanh các vị trí rò rỉ. Bên cạnh đó, Công ty xây dựng kế hoạch thay thế các tuyến ống cũ để kiểm soát chất lượng nước, giảm thiểu hao hụt và ngăn ngừa rủi ro.
- Nâng cao năng lực lãnh đạo của đội ngũ quản lý, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm thông qua các chương trình đào tạo và bồi dưỡng chuyên sâu.
- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp vững mạnh, không ngừng cải tiến phương thức làm việc, khuyến khích người lao động đóng góp sáng kiến và giải pháp sáng tạo, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy sự phát triển bền vững của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

- Với vai trò là doanh nghiệp sản xuất và cung cấp nước sạch, Công ty luôn ý thức rõ trách nhiệm trong việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường và tuân thủ chặt chẽ các quy định pháp luật về tài nguyên nước. Ban lãnh đạo Công ty đặc biệt chú trọng đến việc quản lý và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, đảm bảo cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn chất lượng cho người dân trong khu vực phục vụ.
- Công ty cam kết đặt lợi ích cộng đồng lên hàng đầu, không đánh đổi chất lượng nước và môi trường vì mục tiêu kinh tế. Toàn bộ quy trình sản xuất, cung cấp nước và xử lý chất thải đều được thực hiện nghiêm túc theo quy định, đảm bảo sự an toàn và bền vững trong hoạt động kinh doanh



MỤC TIÊU ĐỐI VỚI XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

- Công ty luôn quan tâm đến việc bảo vệ quyền lợi của cán bộ, nhân viên, đồng thời triển khai các chương trình trách nhiệm xã hội nhằm nâng cao phúc lợi cho người lao động và đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của cộng đồng tại tỉnh Bến Tre.
- Bên cạnh đó, BEWACO cam kết thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước. Công ty chủ động tham gia và tổ chức các hoạt động đoàn thể, tình nguyện cũng như các chương trình công tác xã hội, với mục tiêu mang lại những hỗ trợ thiết thực, góp phần cải thiện đời sống cộng đồng.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO

CHI TIẾT



RỦI RO KINH TẾ

Trong năm 2024, tình hình kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp khi đối mặt với nhiều rủi ro như chiến tranh leo thang giữa Nga và Ukraine và các chính sách bảo hộ thương mại giữa các cường quốc lớn. Bên cạnh đó, kinh tế thế giới có những chuyển biến tích cực khi thương mại hàng hóa cả thiện và lạm phát giảm dần áp lực. Tại Việt Nam, tình hình kinh tế Việt Nam vẫn duy trì sự ổn định, tính chung GDP của Việt Nam trong năm 2024 ước tăng 7,09% so với năm 2023.

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước, Công ty ít chịu ảnh hưởng từ các yếu tố vĩ mô, do nước là mặt hàng thiết yếu gắn liền với sự phát triển của đất nước và luôn được Chính phủ khuyến khích phát triển. Tuy nhiên, các yếu tố kinh tế vĩ mô có tác động trực tiếp đến hoạt động của các khu công nghiệp và doanh nghiệp sản xuất – nhóm khách hàng chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của Công ty. Nhằm đảm bảo sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty không ngừng nâng cao công tác quản lý, kiểm soát tình hình hoạt động, đảm bảo đạt được các chỉ tiêu tài chính đề ra. Đồng thời, Công ty luôn theo dõi sát diễn biến kinh tế chung để chủ động đưa ra các giải pháp phù hợp, duy trì sự ổn định và phát triển bền vững.

Trong năm 2024, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) của tỉnh Bến Tre ước tăng 5,685 so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục có mức tăng trưởng cao nhất, với mức tăng 10,59%. Ngoài ra, mục tiêu thành phố Bến Tre hướng đến xây dựng đô thị loại 1 trực thuộc tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn, cho thấy sự mở rộng về quy mô kinh tế cũng như sự gia tăng trong nhu cầu tiêu dùng, qua đó tạo ra những tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



RỦI RO

CHI TIẾT



RỦI RO PHÁP LUẬT

Cũng giống như các doanh nghiệp khác, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre cũng chịu ảnh hưởng từ hệ thống pháp luật và các văn bản dưới luật như Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, và Luật Tài nguyên nước... Chính vì thế, việc điều chỉnh hoặc bổ sung hệ thống pháp luật là điều có thể xảy ra để phản ánh sự thay đổi của nền kinh tế, tác động đến môi trường hoạt động của Công ty. Vì vậy, công ty luôn cập nhật và thay đổi để thích nghi với môi trường pháp luật trong nước, xây dựng chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp với điều kiện mới.

Bên cạnh đó, kỳ vọng Luật Cấp thoát nước sớm được ban hành vào năm 2025 có thể giải quyết được những bất cập ngành nước, giúp cải thiện đáng kể đến doanh thu hoạt động của công ty. Tiêu biểu có thể kể đến như giá nước chưa phản ánh đủ chi phí và các chi phí phát sinh,...



RỦI RO VỀ GIÁ ĐẦU VÀO

Rủi ro về giá đầu vào trong hoạt động kinh doanh nước sạch là một thách thức lớn đối với BEWACO. Tương tự như các mặt hàng thiết yếu khác như xăng, dầu và điện, giá nước sạch do Nhà nước quy định dựa trên các yếu tố như đặc thù khu vực, biến động chi phí sản xuất, kinh doanh và cung ứng. Tuy nhiên, các chi phí đầu vào như nguyên vật liệu xử lý nước, giá điện và chi phí lao động đang có xu hướng gia tăng, trong khi giá bán lẻ nước sạch có thể không được điều chỉnh kịp thời để phản ánh những biến động này.

Để ứng phó với rủi ro trên, BEWACO cần liên tục theo dõi tình hình và xây dựng định hướng linh hoạt, đề ra các chiến lược phù hợp nhằm hạn chế tác động tiêu cực. Các giải pháp bao gồm tối ưu hóa quy trình sản xuất, tìm kiếm nguồn nguyên vật liệu và công nghệ tiên tiến nhằm tiết kiệm chi phí, đồng thời triển khai các biện pháp quản lý rủi ro hiệu quả, đảm bảo hoạt động kinh doanh ổn định và bền vững.





CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO

CHI TIẾT



RỦI RO THẤT THU, THẤT THOÁT

Thất thoát nước là một trong những rủi ro quan trọng ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả hoạt động của BEWACO, không chỉ ảnh hưởng hiệu quả sản xuất kinh doanh công ty mà còn gây lãng phí nguồn tài nguyên quốc gia. Nguyên nhân từ việc rò rỉ đường ống ngầm, hư hỏng trong quá trình cải tạo, trộm cắp sử dụng nước trái phép, thiên tai và các sự cố môi trường, ...

Để giảm thiểu tình trạng thất thoát nước, BEWACO đã đặt mục tiêu xây dựng kế hoạch duy tu, sửa chữa hệ thống cấp nước và thay thế đồng hồ đo lường một cách hợp lý. Công ty cũng tăng cường cải thiện chất lượng mạng lưới cung cấp nước để giảm thiểu thất thoát và tăng hiệu suất sử dụng tài nguyên.

Trước tình hình đó, để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước, BEWACO luôn đặt mục tiêu nâng cấp, cải tạo hệ thống đường ống, kiểm tra và bảo trì các đồng hồ đo lường. Bên cạnh đó công ty cũng tăng cường kiểm soát và xử lý các vi phạm đối với sử dụng nước trái phép. Những nỗ lực này không chỉ giúp thúc đẩy phát triển bền vững cho công ty mà còn bảo vệ nguồn tài nguyên nước quốc gia



RỦI RO KHÁC

Bên cạnh những rủi ro đã được nhận diện, Công ty còn phải đối mặt với các yếu tố bất khả kháng như thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh và tai nạn lao động, có thể gây ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh. Để đảm bảo an toàn cho nhân viên và hạn chế tối đa tổn thất, BEWACO luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, cứu hộ cứu nạn, đồng thời tăng cường kiểm tra định kỳ hệ thống thiết bị và cập nhật thường xuyên các thông tin về thời tiết, thủy văn và tình hình xã hội.

Ngoài ra, Công ty chủ động thực hiện các biện pháp bảo vệ tài sản và con người thông qua việc ký kết hợp đồng bảo hiểm hàng năm, bao gồm bảo hiểm lao động, bảo hiểm tai nạn và bảo hiểm tài sản, nhằm giảm thiểu rủi ro và đảm bảo sự ổn định trong hoạt động kinh doanh.



RỦI RO

CHI TIẾT



RỦI RO MÔI TRƯỜNG

Tình hình xâm nhập mặn vào những tháng đầu năm đối với ngành cấp nước nói chung và Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre nói riêng là rủi ro khá nghiêm trọng. Xuất phát từ việc nước biển xâm nhập sâu vào đất liền trong khi lượng nước ngọt từ thượng nguồn sông Mekong chảy về Đồng bằng sông Cửu Long không đủ để trung hòa lượng nước mặn, biến đổi khí hậu dẫn đến nắng nóng, hạn hán, nước biển dâng, ...

Thực trạng về xâm nhập mặn tại tỉnh Bến Tre từ mùa khô năm 2023-2024 xuất hiện từ cuối tháng 12/2023 đến tháng 5/2024, đỉnh điểm của đợt xâm nhập mặn vào tháng 3/2024 thời điểm này mặn xâm nhập lên thượng nguồn sông Ba Lai, Hàm Luông và sông Tiền ảnh hưởng đến hầu hết các trạm nước thô của BEWACO. Việc này gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty, gia tăng chi phí xử lý nước và ảnh hưởng đến chất lượng nước sau xử lý.

Để ứng phó với tình hình trên tỉnh Bến Tre đã chi hơn 10 tỷ đồng để mua nước sạch, bơm nước vào lưu vực trữ nước, đồng thời từ năm 2020 tỉnh Bến Tre đã được Trung ương hỗ trợ đầu tư, đưa vào hoạt động 64 công trình cống, góp phần giảm thiểu tình trạng thiếu nước ngọt. Đồng thời, BEWACO đã chủ động ứng phó kịp thời nhằm đảm bảo đủ lưu lượng áp lực nước cấp ra mạng lưới với chất lượng nằm trong giới hạn cho phép trên địa bàn phục vụ. Bên cạnh đó, công ty cũng cần tiếp tục kiểm soát và đánh giá tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường, đồng thời duy trì và bảo trì hệ thống công nghệ để đảm bảo sản xuất nước sạch chất lượng cao.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

CƠ CẤU DOANH THU

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2023		Năm 2024		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Doanh thu cung cấp nước sạch	222.942	98,75%	240.360	99,18%	17.418	7,81%
2	Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	2.005	0,89%	1.156	0,48%	-849	-42,36%
3	Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	648	0,29%	657	0,27%	9	1,39%
4	Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	165	0,07%	164,7	0,07%	-0,3	-0,17%
Tổng cộng		225.760	100,00%	242.337	100,00%	16.577	7,34%

Năm 2024 vừa qua, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã cho thấy những tín hiệu tích cực trong hoạt động kinh doanh. Tổng doanh thu thuần của Công ty ghi nhận mức tăng trưởng 7,34%, đạt 242,34 tỷ đồng so với 225,76 tỷ đồng của năm 2023.

Đóng góp chính vào sự tăng trưởng này là hoạt động kinh doanh cốt lõi – cung cấp nước sạch. Lĩnh vực này tiếp tục cho thấy sự ổn định và phát triển, mang về doanh thu 240,36 tỷ đồng trong năm 2024, tăng 7,81% so với cùng kỳ năm trước và chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu năm 2024 (99,18%).

Các hoạt động khác, bao gồm thi công tuyến cấp thoát nước, thu phí bảo vệ môi trường, và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, đóng góp một phần rất nhỏ vào tổng doanh thu của Công ty. Mặc dù doanh thu từ thi công tuyến cấp thoát nước có sự điều chỉnh giảm trong năm 2024, Công ty vẫn duy trì các hoạt động này nhằm hỗ trợ và bổ trợ cho lĩnh vực kinh doanh chính. Tương tự, doanh thu từ thu phí bảo vệ môi trường và bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ có sự thay đổi không đáng kể và mang tính chất hỗ trợ cho hoạt động chung của Công ty.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2023	KH 2024	TH 2024	TH 2024/ KH 2024	TH 2024/TH 2023
1	Sản lượng nước ghi thu	m ³	21.446.686	21.758.000	22.939.605	105,43%	106,96%
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	227.262	230.000	243.060	105,68%	106,95%
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Triệu đồng	66.858	52.000	69.740	134,12%	104,31%
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu đồng	55.392	43.000	57.778	134,37%	104,31%
5	Nộp ngân sách NN	Triệu đồng	19.651	18.327	47.027	126,61%	116,55%
5.1	<i>Nộp cổ tức của phân vốn nhà nước</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>20.698</i>	<i>18.816</i>	<i>22.579</i>	<i>120,00%</i>	<i>109,09%</i>
5.2	<i>Nộp các loại thuế, phí</i>	<i>Triệu đồng</i>	<i>19.651</i>	<i>18.327</i>	<i>24.448</i>	<i>133,40%</i>	<i>124,41%</i>
6	Tỷ suất LN sau thuế /Vốn điều lệ	%	0,19	0,15	0,20	Tăng 0,05%	Tăng 0,01%
7	Tỷ lệ thất thoát nước	%	24	19	17,54	Giảm 1,46%	Giảm 6,46%

Đầu năm 2024, tình hình xâm nhập mặn diễn ra sớm và gay gắt hơn các năm trước (2021-2023) làm ảnh hưởng đến nguồn tiếp nhận nước thô tại các Nhà máy nước. Công ty đã chủ động lập Kế hoạch ứng phó và tổ chức thực hiện các công việc theo đúng kế hoạch đặt ra nhằm đảm bảo có nguồn nước ngọt để cung cấp cho khách hàng trong vùng phục vụ. Chi nhánh cấp nước Giồng Trôm đã ngưng vận hành nhà máy nước Lương Quới từ cuối tháng 01/2024 đến giữa tháng 7/2024 do độ mặn nước thô tại rạch Lương Quới vượt ngưỡng quy định, nguồn nước phục vụ cho khu vực Giồng Trôm được cung cấp chủ yếu từ nhà máy Hoàn Sinh và trạm tăng áp Chệt Sậy. Trên địa bàn thành phố Bến Tre, Châu Thành nguồn nước mặt bên ngoài sông độ mặn cũng đã vượt mức,

Công ty đã triển khai công tác đo mặn hàng ngày để giám sát diễn biến độ mặn trên các nhánh sông phục vụ cho việc đóng mở cống lấy nước tại các vị trí cống, đập; phối hợp với Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bến Tre sử dụng giải pháp điều tiết nguồn nước ngọt thông qua vận hành hệ thống cống đập ngăn mặn; lắp đặt bổ sung 2 máy bơm tại cầu Thành Triệu, thuê phà bơm và lắp đặt các thuyền bơm tại đập tạm Thành Triệu, lắp đặt trạm bơm dã chiến cấp I và đào thêm hồ sơ lắng tại Chi nhánh cấp nước Phú Tân để lấy được nguồn nước có độ mặn thấp phục vụ sản xuất tại các nhà máy. Thuê sà lan chở nước ngọt thô cung cấp bổ sung cho nhà máy nước Chợ Lách vào 2 con nước đĩnh triều trong ngày (thực hiện trong tháng 3 và tháng 4 với tổng sản lượng 14.000 m³).



Trong mùa khô 2024, do ảnh hưởng của hạn mặn nên người dân sử dụng nước rất nhiều để phục vụ nhu cầu sinh hoạt, tưới tiêu gây quá tải trên hệ thống làm xảy ra tình trạng thiếu nước cục bộ ở các khu vực cuối mạng thành phố Bến Tre và một số xã thuộc khu vực huyện Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc. Công ty đã thực hiện mua nước sạch của Công ty TNHH Cấp nước Mỏ Cày qua đồng hồ tổng 50 ly để bổ sung áp lực cho khu vực xã Định Thủy, Phước Hiệp huyện Mỏ Cày Nam; thuê xe tải chở nước cấp vào các bồn chứa nước cung cấp cải thiện áp lực cho các khu vực Sơn Phú, Phước Long và các xã thuộc huyện Mỏ Cày Bắc.

Kết thúc mùa khô 2023 - 2024, Đảng ủy và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã lãnh đạo hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, thực hiện các giải pháp ứng phó hạn mặn hiệu quả, chủ động nguồn nước ngọt đảm bảo sản xuất, cung cấp nước sau xử lý đạt chất lượng, có độ mặn trong giới hạn cho phép phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho khách hàng trong vùng phục vụ của Công ty. Đặc biệt, Công ty đã cung cấp 8.868 m³ nước miễn phí cho các đơn vị, cá nhân để vận chuyển hỗ trợ nước ngọt cho bà con vùng bị hạn mặn khốc liệt trong tỉnh.

Sau thời gian bị ảnh hưởng của hạn mặn, các tháng còn lại tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty tiếp tục được duy trì và phát triển tốt. Cùng với công tác ứng phó hạn mặn, công tác phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch là nhiệm vụ được quan tâm hàng đầu. Với quyết tâm kéo giảm tỷ lệ thất thoát nước toàn Công ty, Đảng ủy Công ty đã lãnh đạo, cùng với Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị trực thuộc quan tâm thực hiện các giải pháp kỹ thuật trong công tác phòng chống thất thoát nước, tăng cường dò tìm ống bể và xử lý nhanh các trường hợp bể ống, thực hiện kiểm tra theo dõi tỷ lệ thất thoát nước của vùng 2, vùng 3 khu vực TPBT và đánh giá nguyên nhân gây thất thoát nước của các vùng, duy trì tổ chức định kỳ các cuộc họp giao ban về phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch từ đó đề ra các giải pháp, kinh nghiệm thực hiện kéo giảm tỷ lệ thất thoát cho khu vực TPBT và toàn Công ty. Kết quả đến cuối năm 2024 tỷ lệ thất thoát nước tỷ lệ thất thoát toàn Công ty là 17,54 % giảm 6,46 % so với thời điểm cuối năm 2023 (24 %).

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Thanh Bình	TV.HĐQT, Tổng Giám đốc	3.822.000	13%	6.300	0,021%
2	Phan Thanh Bình	TV.HĐQT, Phó Tổng giám đốc	-	-	1.365	0,005%
3	Phan Thành Nhân	Phó Tổng giám đốc	-	-	17.115	0,06%
4	Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	-	-	20.865	0,071%

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2024

Không có



LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG TRẦN THANH BÌNH TỔNG GIÁM ĐỐC



- Ngày sinh**: 29/09/1982
- Quốc tịch**: Việt Nam
- Địa chỉ thường trú**: Khu phố 3, phường Phú Khương, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
- Trình độ chuyên môn**: Cử nhân Cao đẳng Cấp thoát nước; Kỹ sư kỹ thuật công trình
- Chức vụ hiện nay tại Công ty**: Tổng giám đốc, TV HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác**:
 - Không có
- Quá trình công tác**:
 - 04/2005 – 12/2010: Nhân viên Đội thi công – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 01/2011 – 02/2013: Nhân viên Xí nghiệp Xây lắp – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 03/2013 – 12/2016: Đội trưởng Đội Quản lý mạng và sửa chữa – Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 01/2017 – 12/2018: Trưởng phòng Chống thất thoát nước – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 01/2019 – 10/2019: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 11/2018 – 12/2022: TV HĐQT – Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
 - 01/2023 – Nay: TV HĐQT – Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 6.300 cổ phần, chiếm 0,021% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 3.822.000 cổ phần, chiếm 13% vốn điều lệ
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN THANH BÌNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngày sinh	12/04/1985
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Ấp An Hòa, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân cao đẳng Cấp thoát nước; Cử nhân Quản trị kinh doanh; Kỹ sư kỹ thuật công trình
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng giám đốc, TV HĐQT
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	• Không có
Quá trình công tác	
2007 – 2010	Nhân viên Phòng Kỹ thuật – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2010 – 2015	Nhân viên Xí nghiệp Tư vấn xây dựng – thuộc Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
2015 – 2018	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Chợ Lách trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2018 – 12/2018	Trưởng phòng Kinh doanh, trực thuộc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2019 – 12/2022	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.
01/2023 - Nay	TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 1.365 cổ phần, chiếm 0,005% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

ÔNG PHAN THÀNH NHÂN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Ngày sinh	20/11/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	87B1, Khu phố 1, Phường 8, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Xây dựng, Ths. Quản trị kinh doanh
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phó Tổng giám đốc
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	• Không có
Quá trình công tác	
24/4/2002 - 29/7/2015	CB. Kỹ thuật, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre
30/7/2015 - 26/7/2020	Giám đốc Chi nhánh Cấp nước Mỏ Cà, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
27/7/2020 - 05/2023	TP. Phòng kỹ thuật, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre
01/6/2023 - Nay	Phó Tổng Giám đốc, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 17.115 cổ phiếu, chiếm 0,06% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan: 3.360 cổ phiếu, chiếm 0,01% vốn điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

BÀ VÕ THỊ THIÊN TRANG KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngày sinh	15/03/1973
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 509A/2, xã Sơn Đông, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, Thạc sĩ Kế toán
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Kế toán trưởng
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	• Không có
Quá trình công tác	
07/1999 – 01/2000	Nhân viên phòng Kinh doanh Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
02/2000 – 03/2007	Kế toán tổng hợp Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.
04/2007 – 11/2015	Phó phòng Kế toán kiêm kế toán tổng hợp Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.
01/12/2015 – nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 20.865 cổ phần, chiếm 0,071% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tổng: 286 lao động

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I	Theo trình độ	286	100
1	Trên đại học	05	1,75
2	Đại học, cao đẳng	105	36,71
3	Trung cấp	45	15,73
4	Công nhân kỹ thuật	122	42,67
5	Lao động phổ thông	09	3,14
II	Theo tính chất hợp đồng lao động	286	100
1	Thuộc diện không ký HĐLĐ	10	3,5
2	Hợp đồng có xác định thời hạn	276	96,5
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	-	-
4	Hợp đồng theo thời vụ	-	-
C	Theo giới tính	286	100
1	Nam	219	76,57
2	Nữ	67	23,43

THU NHẬP BÌNH QUÂN

Đơn vị tính: đồng/người/tháng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024
Thu nhập bình quân	10.288.301	9.000.799	9.832.621	111.237.000



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG VÀ PHÁT TRIỂN NHÂN SỰ

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn coi trọng việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, thân thiện và tạo điều kiện tối đa để nhân viên phát triển. Với hệ thống cơ sở vật chất hiện đại, máy móc tiên tiến cùng trang thiết bị bảo hộ đạt chuẩn, BEWACO không ngừng nỗ lực đảm bảo an toàn và hiệu quả trong công việc. Đồng thời, công ty cũng chú trọng đến việc áp dụng các chính sách làm việc linh hoạt, cân bằng giữa thời gian làm việc và nghỉ ngơi, tuân thủ đúng quy định của Luật Lao động. Nhờ đó, nhân viên không chỉ được khuyến khích phát huy năng lực cá nhân mà còn nâng cao tinh thần trách nhiệm và sự đoàn kết trong tập thể.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG THƯỞNG, PHÚC LỢI

Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định pháp luật hiện hành và đưa ra chế độ lương thưởng, phúc lợi dựa trên hiệu suất làm việc cũng như mức độ trách nhiệm của từng vị trí. Hàng năm, công ty tiến hành đánh giá kết quả công việc một cách công khai, minh bạch, đảm bảo sự công bằng cho mọi nhân viên. Bên cạnh đó, công ty luôn khuyến khích đội ngũ nhân viên đưa ra những sáng kiến, đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.



ĐIỀU KIỆN VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn đặt ưu tiên hàng đầu vào việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, thoải mái và hỗ trợ tối đa cho nhân viên. BEWACO không chỉ trang bị đầy đủ cơ sở vật chất hiện đại, máy móc tiên tiến và dụng cụ bảo hộ lao động đạt chuẩn, mà còn tạo điều kiện để mỗi nhân viên có thể phát huy tối đa năng lực của bản thân. Bên cạnh đó, công ty cũng áp dụng các chính sách làm việc và nghỉ ngơi linh hoạt, tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Luật Lao động, nhằm khuyến khích tinh thần tự giác, tăng cường trách nhiệm và thúc đẩy sự gắn kết trong tập thể.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Công ty luôn đặt trọng tâm vào việc xây dựng và duy trì một đội ngũ nhân viên có trình độ cao thông qua các chương trình đào tạo bài bản và những hoạt động chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm. Bên cạnh đó, công ty thường xuyên tổ chức các khóa học nâng cao kỹ năng và chuyên môn cho công nhân, giúp họ làm quen với những công nghệ tiên tiến nhất. Nhờ vậy, mọi nhân viên đều được trang bị đầy đủ kiến thức và kỹ năng cần thiết, góp phần nâng cao năng suất lao động và thúc đẩy sự phát triển lâu dài của công ty.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2024, công tác đầu tư xây dựng cơ bản được Ban điều hành quan tâm chỉ đạo thực hiện có hiệu quả.

28/36

Hoàn thành

Hạng mục công trình

theo Kế hoạch đầu tư XD CB năm 2024

30,413

Tổng giá trị thực hiện

tỷ đồng

đạt 46,71% kế hoạch

Từ đó góp phần cải thiện áp lực, nâng cao chất lượng nước, phát triển mở rộng hơn 22 km đường ống các loại tại các khu vực TP. Bến Tre, Giồng Trôm, Mỏ Cày Nam, Mỏ Cày Bắc và khu vực Chợ Lách, phát triển thêm 2.700 khách hàng mới, giúp Công ty hoàn thành các chỉ tiêu được UBND Tỉnh giao cùng một số chỉ tiêu nhiệm vụ do Công ty đề ra theo kế hoạch năm 2024.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% Tăng/giảm
1	Tổng giá trị tài sản	552.235	548.008	99,23%
2	Doanh thu thuần	225.760	242.337	107,34%
3	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	65.598	69.447	105,87%
4	Lợi nhuận khác	1.260	293	23,29%
5	Lợi nhuận trước thuế	66.858	69.740	104,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	55.392	57.778	104,31%
7	Tỷ lệ cổ tức	12%	(*)12%	-

(*) Tỷ lệ cổ tức năm 2024 sẽ được trình ĐHCĐ thường niên năm 2025

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

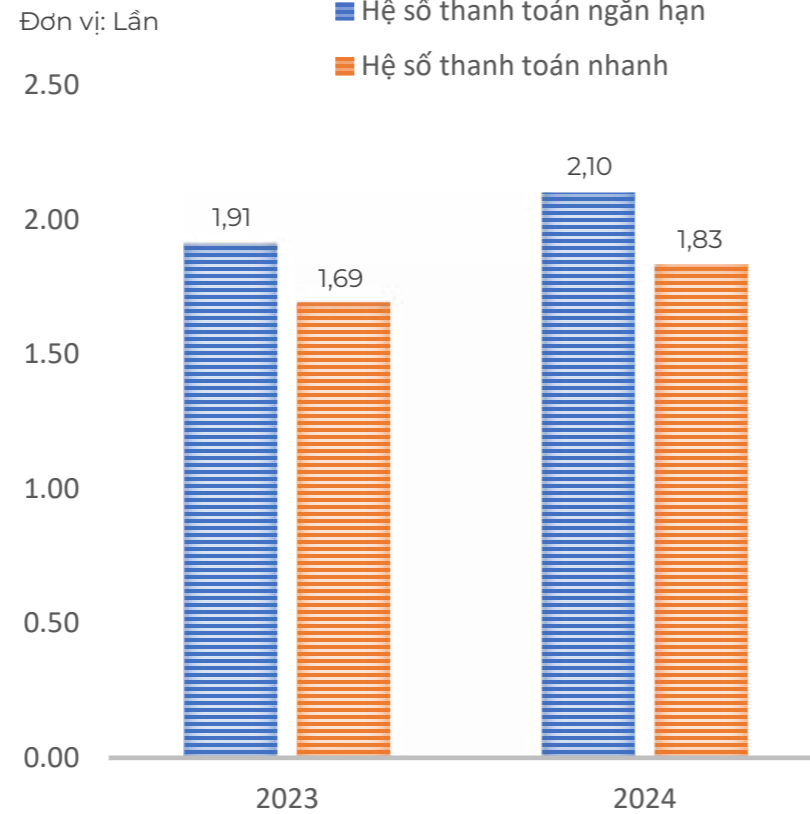
Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2023	Năm 2024
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,91	2,10
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,69	1,83
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	19,85	16,42
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	24,77	19,65
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,46	7,97
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	0,41	0,44
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	24,54	23,84
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	12,30	12,83
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	10,07	10,50
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	29,06	28,66



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

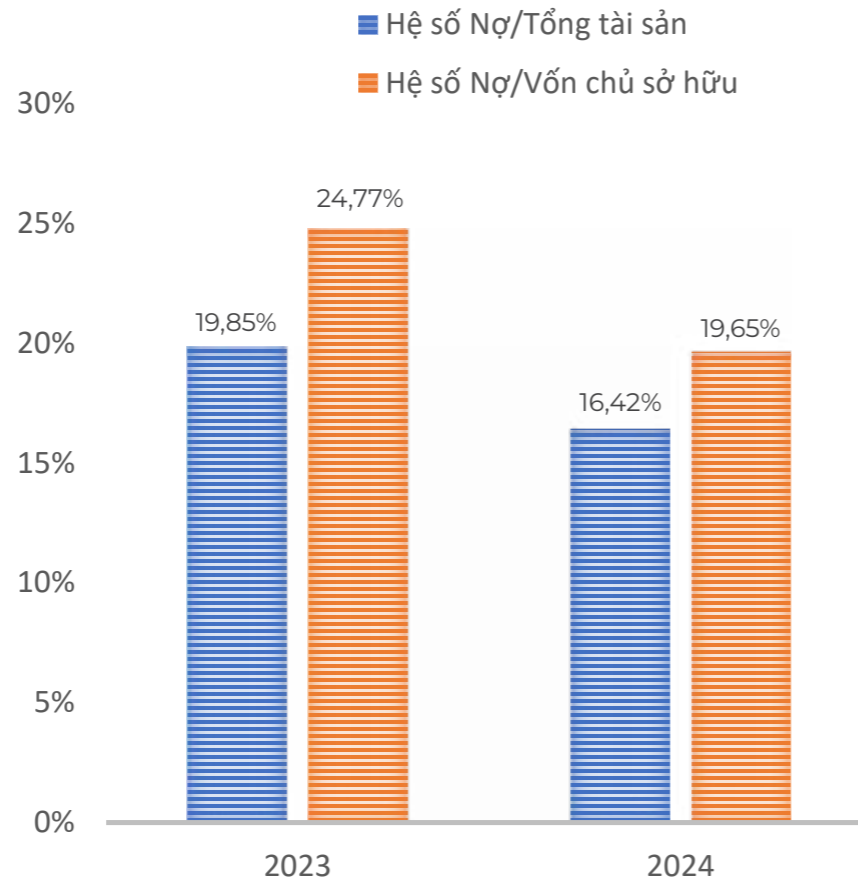
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Trong năm 2024, khả năng thanh toán của Công ty có xu hướng tăng được thể hiện qua các chỉ tiêu về khả năng thanh toán. Cụ thể, khả năng thanh toán ngắn hạn năm 2024 đạt 2,10 lần so với mức 1,91 lần vào cuối năm 2023, khả năng thanh toán nhanh đạt 1,83 lần vào cuối năm 2024, tăng so với mức 1,69 lần vào cùng kỳ năm trước. Điều này cho thấy Công ty có thanh khoản tốt trong việc thực hiện các khoản nợ ngắn hạn bằng chính tài sản lưu động công ty. Trong đó, nguyên nhân của sự thay đổi này chủ yếu là do tài sản ngắn hạn của Công ty tăng nhẹ 2,06% và mức nợ ngắn hạn giảm 7,09% so với cùng kỳ năm trước.



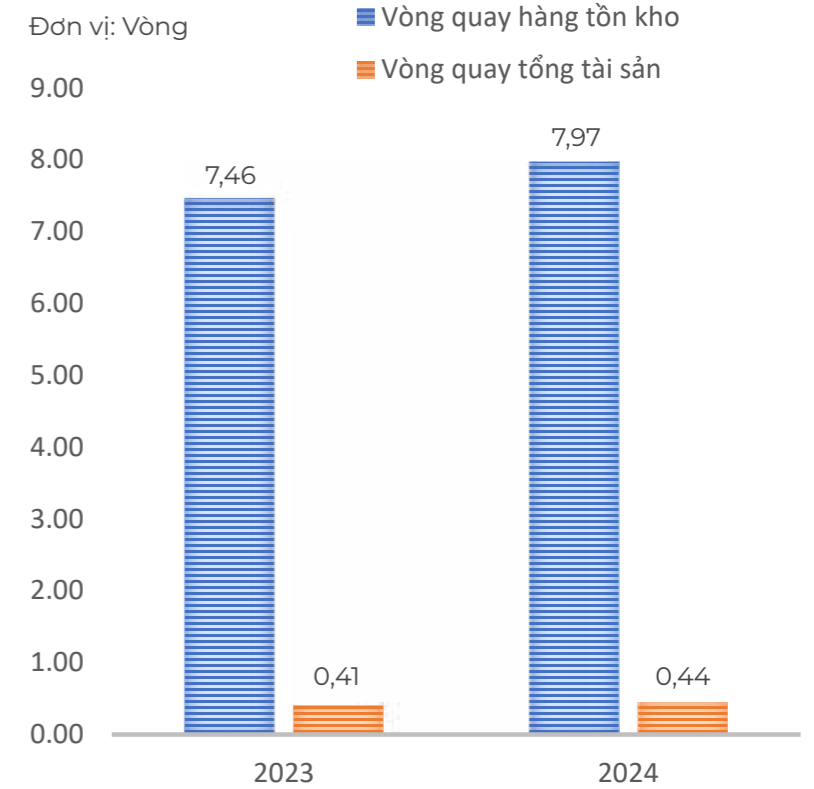
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Về cơ cấu vốn, nhìn chung cơ cấu vốn năm 2024 BEWACO có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, năm 2024 tổng tài sản Công ty biến động giảm nhẹ 0,77%, trong khi mức nợ phải trả giảm mạnh 17,90% (giảm khoảng 19,62 tỷ đồng so với cuối năm 2023) và vốn chủ sở hữu tăng nhẹ 3,48% (tương ứng tăng khoảng 15,4 tỷ đồng). Điều này khiến cho hệ số nợ trên tổng tài sản BEWACO giảm từ 19,85% xuống còn 16,42%; hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu giảm từ 24,77% xuống 19,65% vào cuối năm 2023.

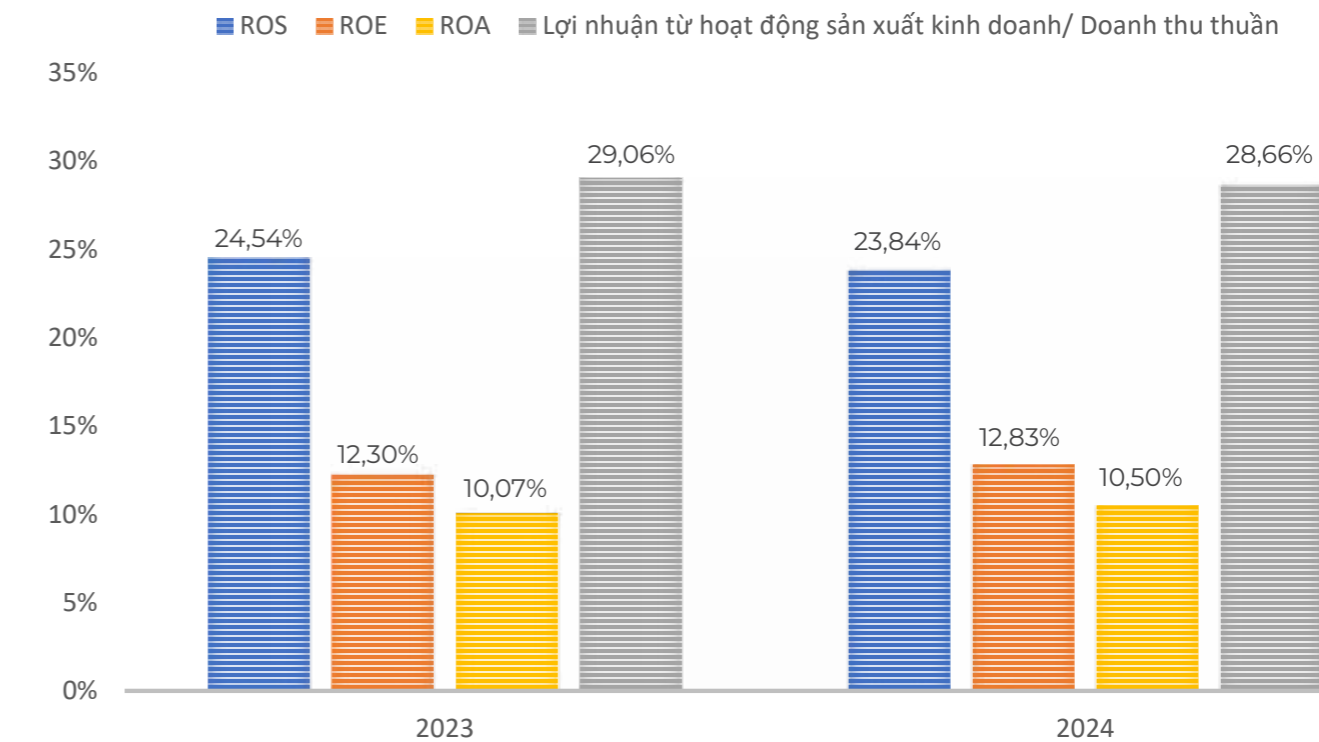


CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2024, hệ số vòng quay hàng tồn kho BEWACO tăng từ 7,46 vòng lên 7,97 vòng. Trong đó, hàng tồn kho của Công ty đã tăng khoảng 1,4 tỷ đồng, tương ứng mức tăng 13,34%, Công ty chủ yếu gia tăng các nguyên vật liệu, thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế,..) để phục vụ cho các mục tiêu mở rộng mạng lưới cung ứng nước sạch. Đồng thời, giá vốn hàng bán Công ty biến động tăng 6,78%, chủ yếu từ việc tăng giá đầu vào cung cấp nước sạch và hoạt động thu phí bảo vệ môi trường. Vòng quay tổng tài sản vẫn giữ ổn định, trong đó doanh thu thuần công ty tăng khoảng 7,34%.

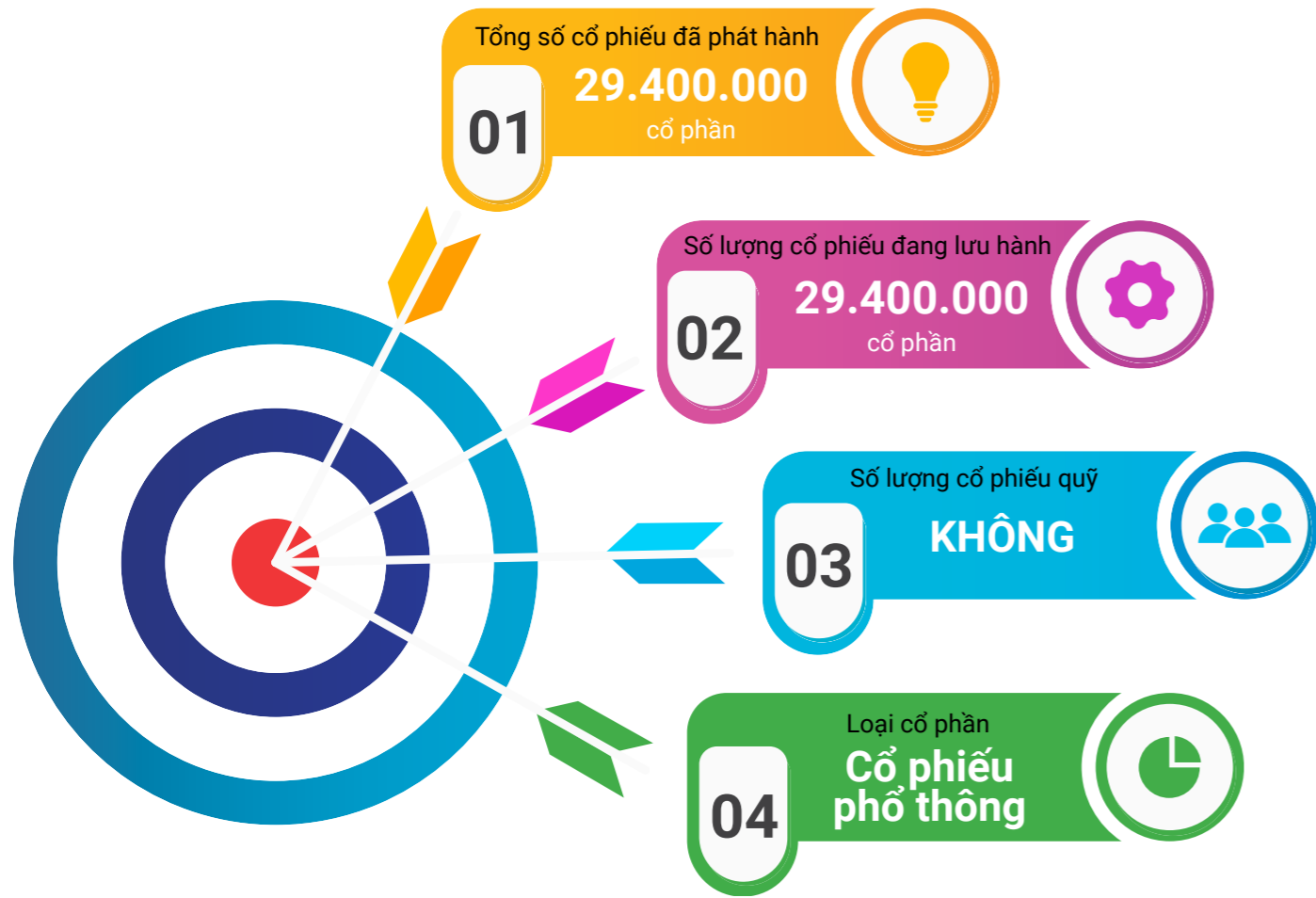


CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Nhìn chung các chỉ tiêu về khả năng sinh lời năm 2024 của Công ty vẫn giữ ở mức ổn định. Cụ thể hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần giảm nhẹ còn 23,84%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân tăng lên 12,83%, hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân tăng lên 10,50%; trong khi hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm nhẹ còn 28,66% so với năm 2023. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm tương đối tốt, phản ánh khả năng của BEWACO trong việc sử dụng các nguồn lực nội bộ để tạo ra giá trị tăng thêm cho cổ đông.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính đến ngày 10/01/2025

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	290	29.250.800	99,49%
1	Nhà nước	1	18.816.000	64,00%
2	Tổ chức	4	9.533.810	32,43%
3	Cá nhân	285	900.990	3,06%
II	Cổ đông nước ngoài	9	149.200	0,51%
1	Tổ chức	2	72.500	0,25%
2	Cá nhân	7	76.700	0,26%
Tổng cộng (I+II)		299	29.400.000	100,00%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 50%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Không có

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ

Không có

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không có

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày 10/01/2025

STT	Danh sách cổ đông lớn trên 5%	Số lượng cổ phần năm giữ	Tỷ lệ cổ phần năm giữ
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	18.816.000	64%
2	Công ty CP Cấp thoát nước Thùy Anh	5.109.510	17,38%
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	4.410.000	15,00%





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

QUẢN LÝ NGUỒN NGUYÊN VẬT LIỆU

Trong quy trình sản xuất, việc sử dụng các hóa chất như CLO và PAC là cần thiết để đảm bảo chất lượng nước sau xử lý. Để bảo vệ an toàn và chất lượng nước, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về liều lượng và nồng độ của các hóa chất này. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng lựa chọn ống nước làm từ nhựa HDPE, thực hiện bảo dưỡng và vệ sinh định kỳ, kiểm tra thường xuyên các điểm đấu nối, và thay thế các tuyến ống cũ để giảm thiểu rủi ro thất thoát nước và duy trì chất lượng nước sạch.

TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Công ty không chỉ cam kết cung cấp nước đạt tiêu chuẩn an toàn và chất lượng cho người tiêu dùng, mà còn ý thức rõ trách nhiệm bảo vệ môi trường. Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về khai thác, xử lý rác và xả thải. Đồng thời, Công ty cũng tích cực tuyên truyền và nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên, góp phần xây dựng một xã hội xanh, sạch, đẹp.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty hợp tác với chính quyền địa phương để trao tặng nhà tình thương cho những hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn về nhà ở. Với cam kết không vì lợi ích kinh tế của mình mà bỏ qua lợi ích cộng đồng, BEWACO luôn tích cực tham gia các hoạt động trách nhiệm xã hội (CSR), hỗ trợ các chiến dịch từ thiện và giúp đỡ những người dân gặp khó khăn trong khu vực..

Vận động cán bộ đoàn viên và người lao động đóng góp 1 ngày lương ủng hộ đồng bào miền Bắc khắc phục những ảnh hưởng do bão số 3 gây ra (tổng số tiền ủng hộ cùng với 1 phần quỹ phúc lợi của Công ty là 100 triệu đồng).

TIÊU THỤ NĂNG LƯỢNG

Điện là nguồn năng lượng chính trong sản xuất và cung cấp nước, chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí. Để giảm chi phí và tối ưu hóa sử dụng năng lượng, Công ty điều chỉnh thời gian vận hành và thay thế thiết bị cũ bằng thiết bị tiết kiệm năng lượng. Đồng thời, Công ty cũng nâng cao ý thức tiết kiệm điện cho cán bộ nhân viên trong công việc hàng ngày.



TIÊU THỤ NƯỚC

Công ty luôn tập trung vào việc khai thác và sử dụng tài nguyên nước một cách bền vững. Để đối phó với các vấn đề như hạn hán, ô nhiễm và xâm nhập mặn, Công ty đang nghiên cứu các giải pháp nhằm giảm thiểu lãng phí và bảo vệ nguồn nước.



CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre xác định yếu tố con người là nền tảng cho sự phát triển bền vững. Để tạo nên sự thành công cho doanh nghiệp, toàn thể cán bộ, công nhân viên phải có trình độ chuyên môn cao, tinh thần trách nhiệm và tinh thần đoàn kết, hợp tác. Vì vậy, Công ty đặc biệt chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo và huấn luyện đội ngũ nhân viên tài năng để thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

Bên cạnh đó, BEWACO thường xuyên theo dõi và đánh giá năng lực của đội ngũ quản lý và nhân viên, nhằm củng cố và phân công công việc hợp lý để đảm bảo hiệu quả lao động tối ưu. Công ty cũng đảm bảo cung cấp đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động phát huy tối đa khả năng sáng tạo. Các chính sách lương thưởng được xây dựng công khai, minh bạch và đảm bảo tính công bằng.





03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 1. Đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh**
- 2. Tình hình tài chính**
- 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- 4. Kế hoạch phát triển trong năm 2025**
- 5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán**



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY SO VỚI KẾ HOẠCH/DỰ TÍNH VÀ CÁC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRƯỚC ĐÂY

THUẬN LỢI

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã nhận được sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện từ các cơ quan chức năng của Nhà nước, cùng với sự phối hợp chặt chẽ từ ban lãnh đạo tỉnh, UBND, HĐND và các sở, ban, ngành của tỉnh Bến Tre.

Sau hơn 32 năm hoạt động, BEWACO đã xây dựng được hệ thống quản lý hiệu quả và tích lũy nhiều kinh nghiệm quý giá trong ngành cấp nước. Sự tin tưởng từ cổ đông và uy tín với người tiêu dùng đã tạo nền tảng vững chắc, giúp Công ty thúc đẩy các chiến lược tăng trưởng và tạo ra giá trị bền vững cho cổ đông, người lao động và cộng đồng.

Với nhu cầu sử dụng nước sạch ngày càng tăng, đặc biệt khi chất lượng đời sống xã hội được cải thiện, BEWACO đã tận dụng được lợi thế thị trường. Công ty tập trung vào việc đầu tư cơ sở hạ tầng và áp dụng công nghệ tiên tiến, nhằm cung cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn cao và giảm thiểu thất thoát nước. Điều này không chỉ nâng cao chất lượng sản phẩm mà còn giảm thiểu rủi ro và gia tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp.

BEWACO đã xây dựng một đội ngũ quản lý giàu kinh nghiệm trong ngành, cùng với đội ngũ công nhân viên chuyên nghiệp, luôn nỗ lực hết mình và cống hiến để đóng góp vào sự phát triển và thịnh vượng chung của doanh nghiệp.

KHÓ KHĂN

Hiện nay, một trong những thách thức lớn nhất mà các doanh nghiệp cung cấp nước sạch phải đối mặt là ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và hiện tượng El Nino, cùng với những thiên tai không thể dự báo. Tình trạng xâm nhập mặn và hạn hán tạo ra không ít khó khăn cho các nhà lãnh đạo trong việc đưa ra các chiến lược và chính sách điều hành để giải quyết vấn đề này. Điều này yêu cầu sự linh hoạt, sáng tạo trong công tác quản lý, cũng như nguồn vốn đầu tư vào công nghệ và cơ sở hạ tầng nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các thách thức môi trường.

Quản lý giá thành sản phẩm nước sạch là một thách thức lớn đối với các doanh nghiệp trong ngành. Giá thành này chịu ảnh hưởng từ nhiều yếu tố như chi phí nguyên vật liệu, cơ sở hạ tầng và chi phí vận hành. Mặc dù giá bán nước sạch phải tuân thủ các quy định của Nhà nước, nhưng sự thiếu linh hoạt trong việc điều chỉnh giá đôi khi không kịp thời phản ánh các biến động chi phí, dẫn đến ảnh hưởng tiêu cực đến lợi nhuận của doanh nghiệp.

Những thay đổi trong thể chế, chính sách và quy định về xã hội hóa ngành nước trong những năm qua không chỉ tạo ra cơ hội mà còn đặt ra thách thức cho BEWACO và các doanh nghiệp trong ngành. Việc điều chỉnh và thích ứng với mục tiêu phát triển chung của Nhà nước yêu cầu các doanh nghiệp đầu tư lớn vào cải thiện hệ thống, nâng cao chất lượng dịch vụ và tăng cường trách nhiệm xã hội.

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã đầu tư cải tạo hệ thống cấp thoát nước, đảm bảo chất lượng nước ổn định; ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ vào quản lý và vận hành hệ thống; nâng cao hiệu quả ngăn ngừa thất thoát nước thông qua việc theo dõi, kiểm tra và kịp thời sửa chữa, thay thế các đường ống bị rò rỉ.

Công ty cũng tiếp tục tăng cường tuyên truyền cho khách hàng về việc thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, giúp giảm tỷ lệ tồn thu của Công ty.

Công ty tập trung nâng cao hiệu quả công tác dự báo, tăng cường năng lực quản trị, đảm bảo sức khỏe tài chính và tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn. Đồng thời, Công ty phối hợp với UBND tỉnh và các cơ quan liên quan để triển khai các biện pháp, công trình chống xâm nhập mặn và hạn chế ô nhiễm nguồn nước.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện rà soát và điều chỉnh lại tổ chức nhân sự, phân quyền, phân cấp hợp lý để các đơn vị trong Công ty có thể chủ động hơn trong công tác điều hành sản xuất.

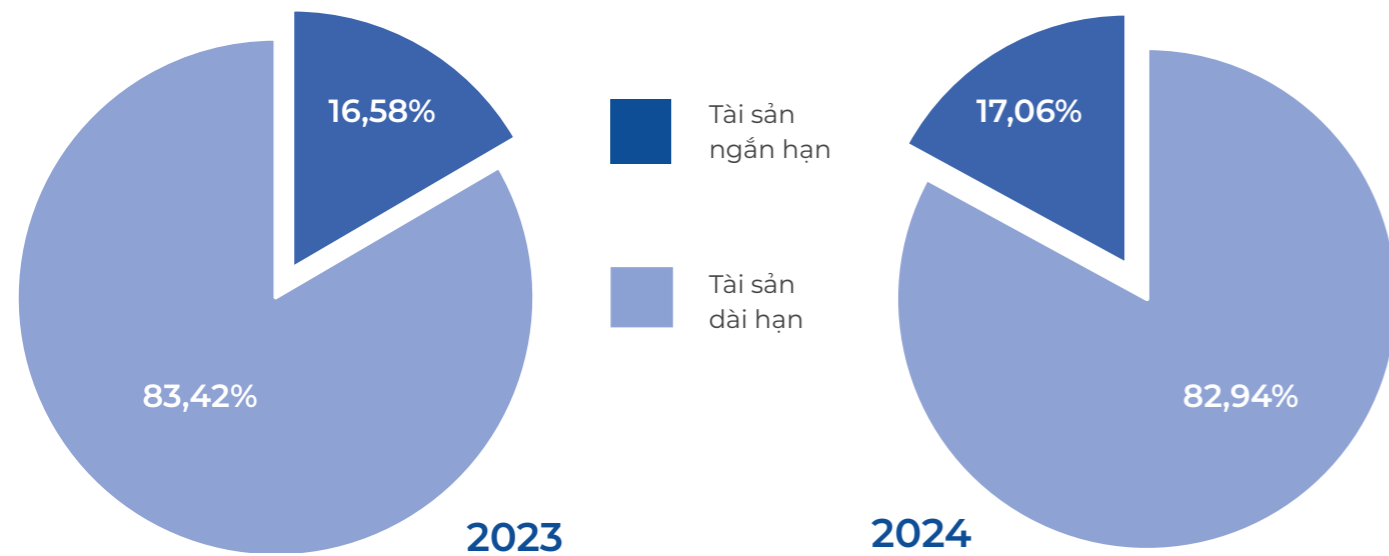


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Tài sản ngắn hạn	91.584	16,58%	93.471	17,06%	1.888	2,06%
2	Tài sản dài hạn	460.652	83,42%	454.537	82,94%	-6.115	-1,33%
Tổng tài sản		552.235	100,00%	548.008	100,00%	-4.228	-0,77%



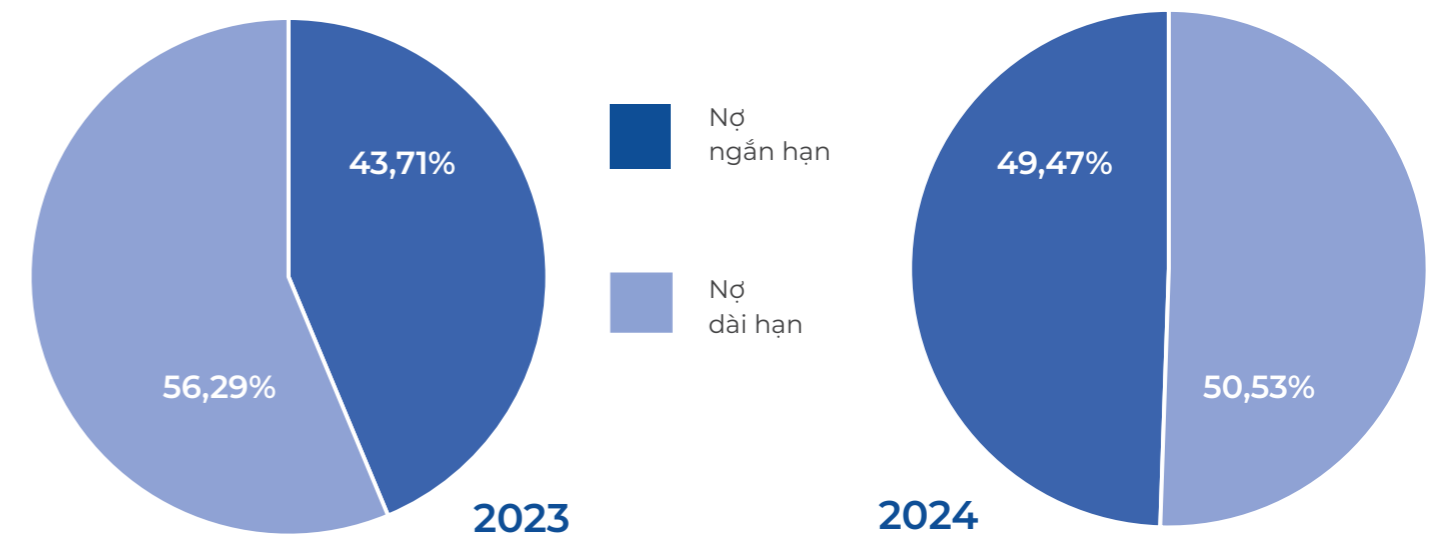
Vào thời điểm cuối năm 2024. Tổng tài sản Công ty đạt 548 tỷ đồng, giảm nhẹ 4,23 tỷ, tương ứng giảm 0,77% so với năm 2023. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 93,47 tỷ đồng, tăng 2,06% so với năm trước và tài sản dài hạn đạt 454,54 tỷ đồng, giảm 1,33% so với năm trước. Mặc dù tài sản ngắn hạn có tăng nhẹ trong năm, nhưng nhìn chung tỷ trọng tài sản dài hạn vẫn chiếm chủ yếu tương ứng 82,94%.

Tại thời điểm cuối năm 2024, khoản tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty đạt trên 78,28 tỷ đồng, tăng khoảng 15,63 tỷ đồng, chủ yếu từ khoản mục tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn của Công ty tăng lên. Hàng tồn kho đạt 11,87 tỷ đồng, tăng hơn 13%, tương ứng mức tăng khoảng 1,4 tỷ đồng so với năm 2023, chủ yếu đến từ khoản mục nguyên vật liệu ngành nước (ống nước, thủy lượng kế, ...). Bên cạnh đó, BEWACO đã giảm mạnh khoản phải thu khách hàng, từ 17,12 tỷ đồng vào cuối năm 2023 xuống còn hơn 2 tỷ vào cuối năm 2024, giảm hơn 15 tỷ đồng, chủ yếu giảm trong khoản mục phải thu tiền nước của các hộ dân.

TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2023		31/12/2024		Tăng/Giảm	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ lệ
1	Nợ ngắn hạn	47.917	43,71%	44.520	49,47%	-3.397	-7,09%
2	Nợ dài hạn	61.704	56,29%	45.476	50,53%	-16.228	-26,30%
Tổng nợ		109.620	100,00%	89.996	100,00%	-19.625	-17,90%



Tổng nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2024 đạt khoảng 90 tỷ đồng, giảm 17,90% so với cuối năm 2023. Nhìn chung, nợ ngắn hạn và nợ dài hạn công ty trong năm đều biến động giảm, trong đó nợ ngắn hạn giảm 7,09%, đạt 44,52 tỷ đồng, nợ dài hạn giảm 26,30%, đạt 45,48 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, cơ cấu nợ phải trả BEWACO năm 2024 có sự thay đổi so với năm trước, tỷ trọng nợ ngắn hạn có sự gia tăng, chiếm 49,47%, trong khi đó nợ dài hạn giảm tỷ trọng, chiếm 50,53%. Trong năm, Công ty đã thanh toán khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn khoảng 16,23 tỷ đồng, chủ yếu Công ty đã chi trả Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã lãnh đạo tập trung cải tiến thủ tục hành chính, tăng cường quản lý sản xuất, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm, đồng thời nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

Công ty cũng đẩy mạnh công tác quản lý, áp dụng các giải pháp công nghệ mới nhằm giảm thiểu tiêu hao vật tư, thực hành tiết kiệm hiệu quả, và nâng cao năng lực cạnh tranh cũng như hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Công ty thực hiện nhiều biện pháp để phòng ngừa thất thoát nước, bao gồm phân vùng, tách mạng, lắp đặt các data logger để giám sát áp lực và lưu lượng các khu vực, thường xuyên kiểm tra lại hệ thống đường ống cấp nước, thay thế và sửa chữa các ống cũ, vỡ hoặc có nguy cơ rò rỉ.

Công ty tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức, thực hiện luân chuyển và bổ nhiệm cán bộ ở một số vị trí để nâng cao hiệu quả công tác quản lý. Đồng thời, rà soát và điều chỉnh mức lương của người lao động để đảm bảo tuân thủ mức lương tối thiểu vùng theo quy định của Nhà nước.

Công ty đẩy mạnh công tác kiểm tra và kỷ luật lao động để thúc đẩy sự phát triển sản xuất, đồng thời nâng cao tinh thần và ý thức trách nhiệm của cán bộ. Công ty cũng tăng cường các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng công tác bảo vệ, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự và an toàn trong toàn bộ hệ thống.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2025

DỰ BÁO TÌNH HÌNH NĂM 2025

Năm 2025 là năm diễn ra Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ XI; đồng thời cũng là năm diễn ra nhiều sự kiện trọng đại, kỷ niệm các ngày lễ lớn Đảng, đất nước.

Năm 2025 được xác định có ý nghĩa quan trọng đánh dấu mốc hoàn thành nhiều công trình trọng điểm quan trọng của tỉnh, tạo điều kiện phát triển bứt phá các chỉ tiêu kinh tế - xã hội cho giai đoạn năm 5 năm 2021 - 2025 và những năm tiếp theo. Bên cạnh đó theo dự báo mùa khô 2024 - 2025, tình hình xâm nhập mặn tuy không gay gắt như mùa khô năm 2023-2024 nhưng có thể diễn biến phức tạp, dẫn đến thiếu nước và xâm nhập mặn sâu vào nội đồng, ảnh hưởng đến nguồn nước phục vụ sản xuất của các nhà máy nước và nhu cầu sinh hoạt của người dân cũng như việc phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tỉnh ủy Bến Tre đã yêu cầu các các ngành, các cấp, cơ quan, đơn vị, địa phương cần xác định nhiệm vụ phòng, chống hạn hán, xâm nhập mặn là nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách để tập trung huy động nguồn lực và thực hiện với quyết tâm chính trị cao nhất, chủ động thực hiện giải pháp cung cấp nước, không để thiếu nước cho sinh hoạt và sản xuất, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người dân.

Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ chính trị trong công tác ứng phó hạn mặn, đảm bảo cung cấp nước sạch đạt chất lượng phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của khách hàng trong vùng phục vụ; hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đề ra góp phần hoàn thành Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre, nhiệm kỳ 2020 - 2025; chú trọng phát triển hệ thống cấp nước đạt chất lượng, khẳng định trách nhiệm xã hội góp phần vào sự phát triển vững của tỉnh nhà.



Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2024	KH 2025	% KH 2025/ TH 2024
Sản lượng nước sản xuất	m ³	27.817.392	26.411.765	94,95%
Sản lượng nước ghi thu	m ³	22.939.605	22.450.000	97,87%
Tỷ lệ thất thoát nước	%	17,54	15	Giảm 2,54%
Tổng doanh thu	Triệu đồng	243.060	238.000	97,92%
Tổng chi phí	Triệu đồng	173.320	180.000	103,85%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	67.740	58.000	83,17%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	57.778	48.000	83,08%



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2025

GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

VỀ QUẢN LÝ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH

- Chủ động xây dựng kế hoạch tài chính chi tiết, cân đối chặt chẽ nhu cầu sử dụng vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh; Tham mưu thực hiện các thủ tục vay vốn thương mại để đầu tư các công trình XD/CB.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn bằng cách đầu tư từng giai đoạn tùy theo nhu cầu, lấy nguồn thu từ khấu hao, từ lợi nhuận để đầu tư phát triển, tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình đã đầu tư.
- Sử dụng vốn đúng mục đích, chủ động cân đối linh hoạt nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng để thực hiện các kế hoạch đã đề ra nhằm hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2025.
- Quản lý tốt các khoản nợ phải thu, nợ phải trả để không xảy ra tình trạng mất vốn của doanh nghiệp.



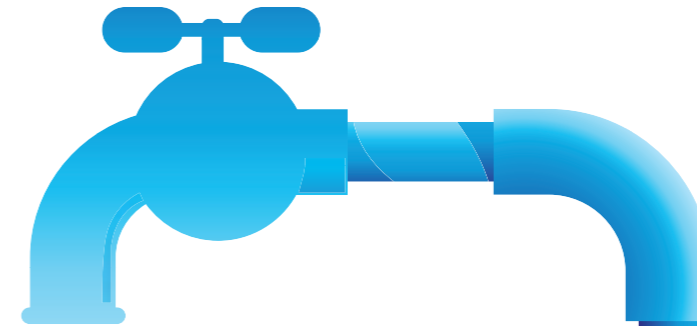
VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC, NHÂN SỰ

- Xây dựng kế hoạch đào tạo trong năm 2025 theo yêu cầu của các đơn vị trực thuộc và nhiệm vụ chung của Công ty.
- Tiếp tục rà soát, sắp xếp, sử dụng hiệu quả số lao động hiện có của Công ty; đề nghị tuyển dụng thêm các vị trí khi thật sự cần thiết và xử lý kỷ luật hoặc cho thôi việc đối với người lao động làm việc không đủ năng lực, thiếu tinh thần trách nhiệm, vi phạm các quy định của Công ty.
- Tổ chức theo dõi chặt chẽ việc thực hiện nội quy và các quy chế đã ban hành; có kế hoạch triển khai đầy đủ, hiệu quả công tác pháp chế của doanh nghiệp; tiếp tục đào tạo, nâng cao nghiệp vụ cho người lao động trong công tác thi công, vận hành và chăm sóc khách hàng.
- Đảm bảo thực hiện đầy đủ mọi quyền lợi hợp pháp, đồng thời tạo điều kiện và môi trường làm việc ngày càng tốt hơn cho người lao động, xây dựng và thực hiện văn hóa doanh nghiệp.
- Nghiên cứu các quy định của pháp luật về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng trong doanh nghiệp nhà nước để tham mưu phối hợp xây dựng lại thang bảng lương, quỹ lương của Ban điều hành và người lao động.
- Tham mưu thực hiện việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 đối với các đơn vị trực thuộc.



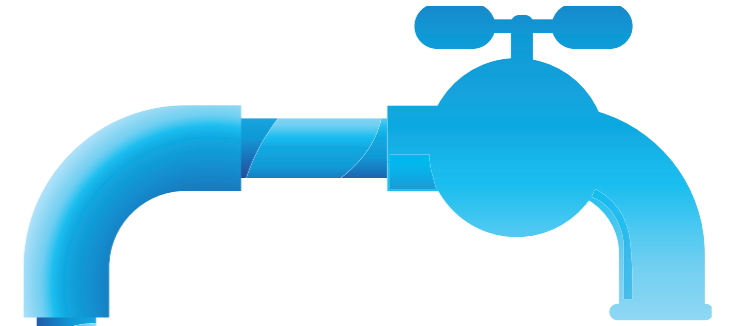
QUẢN LÝ TÀI SẢN, VẬT TƯ

Tuân thủ các quy định theo Quy trình quản lý tài sản, vật tư đã được ban hành. Công tác quản lý tài sản cố định và vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh cần phải được thể hiện rõ ràng và chặt chẽ hơn trong việc lưu trữ hồ sơ; cấp phát tài sản, vật tư đúng theo các chứng từ có liên quan; sử dụng tài sản, vật tư đúng mục đích, bảo quản vật tư chặt chẽ không làm thất thoát vật tư, tài sản của Công ty.



QUẢN LÝ KHÁCH HÀNG

- Cải tiến trang web của công ty, thực hiện tốt dịch vụ chăm sóc khách hàng, quản lý tốt đường dây nóng để tiếp nhận và xử lý thông tin phản ánh của khách hàng. Tăng cường công tác tiếp xúc, đối thoại với khách hàng, giải quyết ngay các trường hợp áp lực nước yếu trên mạng lưới.
- Ứng dụng và sử dụng có hiệu quả các phần mềm do Công ty tự phát triển liên quan đến công tác quản lý khắc phục sự cố trên mạng lưới cấp nước, quản lý dữ liệu các data logger.
- Triển khai phần mềm quản lý khách hàng mới; Tiếp tục thực hiện để án không dùng tiền mặt trong thanh toán tiền nước và không thu tiền nước tại nhà khách hàng; Thực hiện lộ trình ngưng thu tiền nước tại nhà khách hàng giai đoạn 2023-2025.



QUẢN LÝ SẢN XUẤT

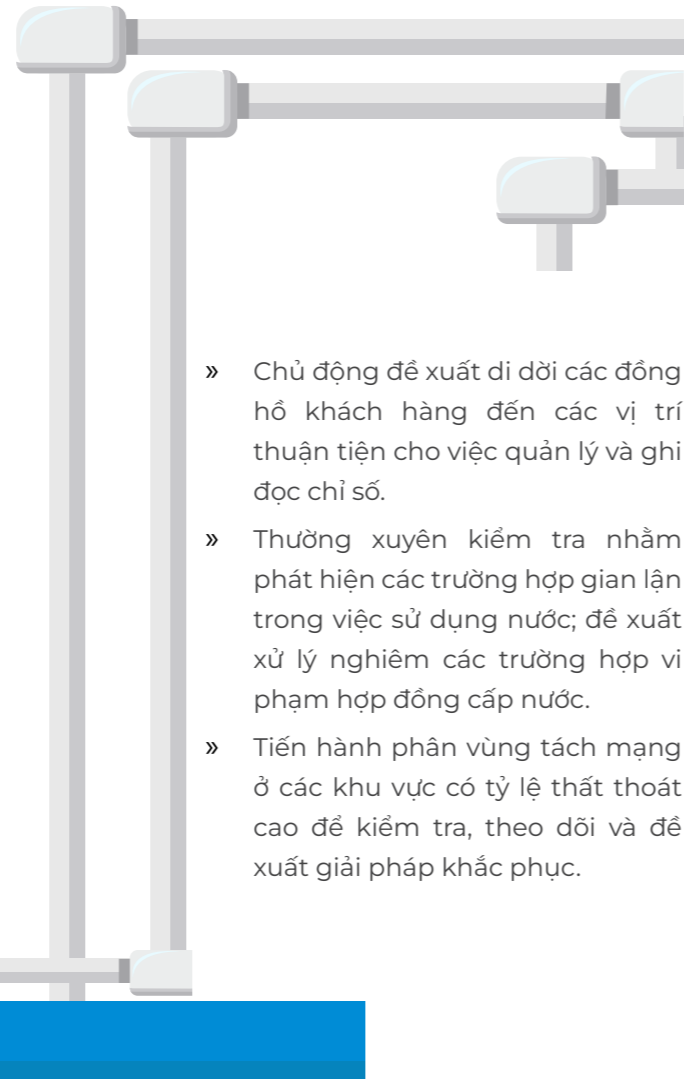
- Quản lý vận hành tốt các nhà máy sản xuất, thực hiện có hiệu quả công tác duy tu, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động tại các nhà máy; trang bị đầy đủ các thiết bị bảo vệ an toàn trong vận hành, rò rỉ hóa chất; trang bị camera giám sát, các thiết bị truyền dữ liệu.
- Thực hiện thu gom, xử lý chất thải đạt chuẩn về môi trường trước khi xả thải; tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về khai thác và xả thải, các biện pháp bảo vệ môi trường theo Luật tài nguyên nước.
- Tăng cường công tác kiểm tra, bảo vệ chặt chẽ nguồn nước tại các vị trí khai thác, chủ động đề xuất xử lý các nguyên nhân làm ô nhiễm nguồn nước; tham mưu lắp đặt các thiết bị quan trắc chất lượng nước thô tại trạm bơm nước thô Cái Cỏ, cầu Ba Lai mới và nhà máy nước Sơn Đông theo quy định của Luật Tài nguyên nước.
- Thường xuyên kiểm nghiệm, quản lý chất lượng nước thô và nước sau xử lý luôn đạt tiêu chuẩn quy định của Bộ Y tế, đảm bảo điều tiết áp lực nước bơm ra mạng theo đúng kế hoạch phối hợp vận hành của các nhà máy.
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát định mức sản xuất nước sạch cho phù hợp thực tế; Thực hiện các giải pháp giảm định mức sử dụng điện năng tiêu thụ cũng như các nguyên liệu, hóa chất dùng cho xử lý nước để tiết kiệm chi phí cho Công ty, ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý quy trình sản xuất.



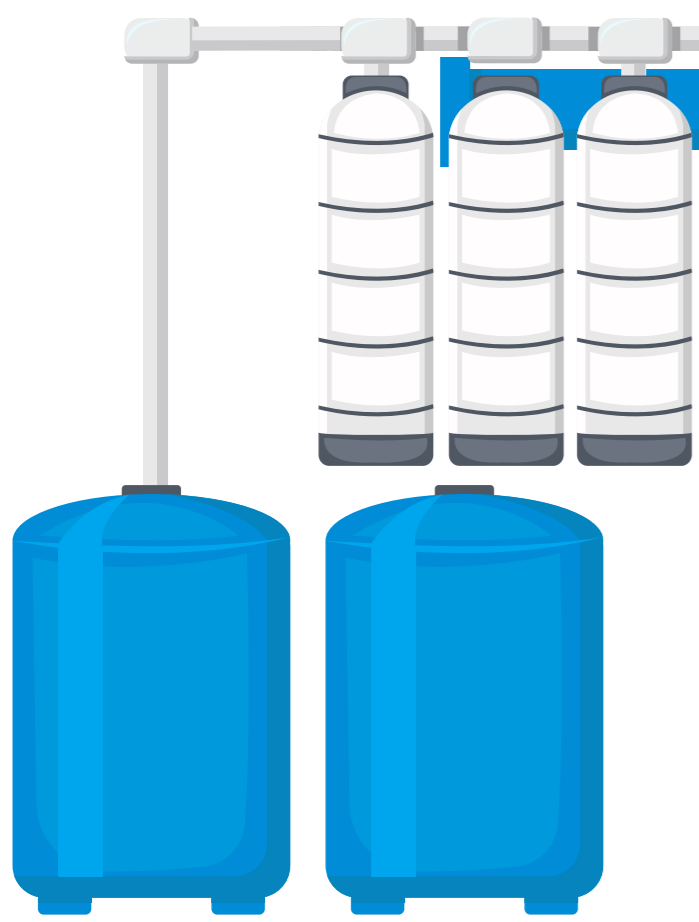
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG NĂM 2025

QUẢN LÝ HỆ THỐNG CẤP NƯỚC VÀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THẮT THOÁT NƯỚC

- Thường xuyên kiểm tra các vị trí van, vị trí đầu nối trên toàn mạng lưới cấp nước, đảm bảo cung cấp nước liên tục cho khách hàng.
- Đề xuất thay thế, cải tạo các tuyến ống quá cũ hoặc nằm quá sâu và thường xuyên gặp sự cố có khả năng thất thoát nước cao.
- Thường xuyên tổ chức các buổi họp giao ban phòng chống thất thoát, thất thu nước sạch.
- Thường xuyên kiểm tra chất lượng vật tư trước khi đưa vào sử dụng cho các công trình và ưu tiên lựa chọn sử dụng chủng loại vật tư, phụ tùng đầu nối có chất lượng cao cho các công trình xây dựng cơ bản và công tác sửa chữa hệ thống cấp nước.
- Tích cực thực hiện công tác phòng, chống thất thoát, thất thu nước sạch bằng các biện pháp cụ thể như:
 - » Tăng cường công tác quản lý đồng hồ nước: thực hiện thay thế và kiểm định đồng hồ nước theo định kỳ, thường xuyên kiểm tra thất thoát qua ống nhánh khách hàng và đồng hồ nước.



- » Chủ động đề xuất di dời các đồng hồ khách hàng đến các vị trí thuận tiện cho việc quản lý và ghi đọc chỉ số.
- » Thường xuyên kiểm tra nhằm phát hiện các trường hợp gian lận trong việc sử dụng nước; đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm hợp đồng cấp nước.
- » Tiến hành phân vùng tách mạng ở các khu vực có tỷ lệ thất thoát cao để kiểm tra, theo dõi và đề xuất giải pháp khắc phục.



- » Xây dựng kế hoạch chống thất thoát nước cụ thể từng Quý, từng năm và có báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ.
- » Xây dựng kế hoạch cải tạo mạng lưới cấp nước cho từng giai đoạn: ngắn hạn, trung hạn, dài hạn.
- » Tiếp tục cập nhật sơ đồ quản lý mạng lưới cấp nước trên tất cả các vùng phục vụ do Công ty quản lý.
- » Xây dựng kế hoạch phối hợp với người dân trong việc bảo vệ tài sản mạng lưới đường ống của Công ty.
- » Tăng cường trách nhiệm trong công tác trực và xử lý sự cố, đảm bảo phát hiện, sửa chữa nhanh chóng kịp thời khi có thông báo của người dân.



GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

04



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2024, Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do tình trạng xâm nhập mặn ngày càng nghiêm trọng và thiếu nguồn nước ngọt. Dù vậy, với sự quyết tâm và nỗ lực không ngừng từ ban lãnh đạo đến toàn thể nhân viên, Công ty đã không chỉ vượt qua thử thách mà còn đạt được thành tích ấn tượng khi lợi nhuận sau thuế vượt 38,5% so với kế hoạch đề ra. Thành công này không chỉ khẳng định hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của BEWACO mà còn cho thấy khả năng linh hoạt và thích ứng nhanh nhạy trước những biến động của thị trường và điều kiện môi trường. Nhờ đó, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu mà Đại hội cổ đông đặt ra.

Công ty đã thể hiện khả năng quản lý hiệu quả các chi phí cố định, bao gồm khấu hao, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Bên cạnh đó, những tiến bộ đáng kể trong việc nâng cao chất lượng sản phẩm, khả năng phục vụ và dịch vụ chăm sóc khách hàng cũng đã được ghi nhận. Đáng chú ý, công ty luôn chú trọng đảm bảo tính minh bạch và chính xác trong việc quản lý doanh thu và chi phí. Nhờ đó, không chỉ hiệu quả kinh doanh được cải thiện mà các hoạt động của công ty cũng trở nên minh bạch và chuyên nghiệp hơn.

Bên cạnh đó, Công ty luôn coi trọng việc chăm sóc và phát triển nguồn nhân lực như một yếu tố then chốt. BEWACO không ngừng tạo điều kiện và khuyến khích nhân viên phát huy tối đa khả năng của bản thân, từ đó xây dựng một môi trường làm việc năng động và hiệu quả. Nhờ vậy, Công ty không chỉ duy trì được không khí làm việc tích cực mà còn đảm bảo tiến độ và hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đã đề ra.

Những thành tích đạt được trong năm qua là minh chứng rõ nét cho sự nỗ lực và cam kết bền bỉ của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre trong việc vượt qua thách thức và hướng tới sự phát triển bền vững trong lĩnh vực cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường. BEWACO tự hào khi được góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và bảo vệ nguồn nước sạch cho các thế hệ mai sau.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Chủ tịch Hội đồng Quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng do Ban Tổng Giám đốc tổ chức. Tại đây, Chủ tịch HĐQT đưa ra những nhận xét, đánh giá về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến Nghị quyết và Quyết định của HĐQT trong kỳ, đồng thời đưa ra các chỉ đạo, góp ý để bổ sung vào kế hoạch công tác tiếp theo của Ban Tổng Giám đốc. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cùng các thành viên khác trong HĐQT thường xuyên giám sát, theo dõi việc điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Tổng Giám đốc, nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra ổn định, an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật, đồng thời đáp ứng các yêu cầu về sản xuất - kinh doanh và tài chính.

Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát và theo dõi sát sao công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc thực hiện. Bên cạnh đó, Chủ tịch HĐQT cũng phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát Công ty để đảm bảo việc tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty cũng như các quy định pháp luật hiện hành khác. Đồng thời, Chủ tịch HĐQT cũng đảm bảo việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2024.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Công ty chú trọng việc thiết lập và duy trì mối quan hệ bền chặt giữa các cấp lãnh đạo, các phòng ban và toàn thể nhân viên. Mục tiêu hướng đến là xây dựng tinh thần đoàn kết vững mạnh, cùng nhau nỗ lực hoàn thành và vượt qua các mục tiêu, nhiệm vụ đã được đề ra tại Đại hội Cổ đông. Bên cạnh đó, công ty cũng đẩy mạnh việc nghiên cứu và ứng dụng những công nghệ tiên tiến nhất trong lĩnh vực cấp thoát nước. Đồng thời, công ty sẵn sàng đầu tư vào các dự án nghiên cứu và phát triển nhằm mang đến những giải pháp hiện đại, bền vững hơn cho việc cung cấp nước sạch và bảo vệ môi trường.

Để nâng cao hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty sẽ tiến hành tái cơ cấu tổ chức, củng cố và hoàn thiện các phòng ban cũng như chi nhánh. Mục tiêu là tăng cường năng lực tham mưu và quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo đáp ứng mọi yêu cầu và nhiệm vụ, phù hợp với phạm vi hoạt động cung cấp nước và quy mô phát triển của công ty.

Để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, Công ty sẽ triển khai các chương trình đào tạo và đánh giá năng lực chuyên môn cho toàn thể nhân viên. Song song với đó, Công ty sẽ bổ sung nhân sự kế cận cho công tác quản lý và điều hành, nhằm tối ưu hóa hiệu quả công việc và đảm bảo các hoạt động vận hành một cách suôn sẻ.

Bên cạnh đó, Công ty cũng hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng và ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý khách hàng. Những nỗ lực này nhằm thích ứng với bối cảnh mới, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và gia tăng mức độ hài lòng của họ. Đây là những bước đi chiến lược giúp Công ty không chỉ phát triển bền vững mà còn xây dựng được lòng tin và sự thu hút đối với khách hàng.





QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

05



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	14.994.000	51%	7.770	0,026%
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT chuyên trách	3.822.000	13%	6.300	0,021%
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT không chuyên trách	4.410.000	15%	-	-
4	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	-	-	1.365	0,005%
5	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT không chuyên trách	5.109.510	17,379%	300	0,001%

ÔNG TRẦN THANH BÌNH

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM TỔNG GIÁM ĐỐC

ÔNG PHAN THANH BÌNH

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Xem chi tiết Sơ yếu lý lịch tại Lý lịch Ban điều hành

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG TRẦN HÙNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngày sinh	13/12/1972
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 175/2 CI, Trần Quốc Tuấn, Khu phố 2, Phường 4, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Đô thị - chuyên ngành cấp nước; Cử nhân Luật
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	• Không có
Quá trình công tác	<p>06/1991 - 10/1992 Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>11/1992 - 06/1994 Nhân viên thu ngân tại phòng Kinh doanh, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>07/1994 - 12/1998 Công nhân vận hành tại Nhà máy nước Sơn Đông, Công ty Cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>01/1999 - 01/2002 Nhân viên tại phòng Kỹ thuật, Công ty cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>02/2002 - 07/2010 Phó phòng Kỹ Thuật, Công ty TNHH MTV cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>08/2002 - 11/2015 Giám đốc XN Tư vấn Xây dựng thuộc Công ty TNHH MTV Cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>12/2015 - 12/2018 Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>01/2019 – 01/2023 Tổng Giám đốc Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.</p> <p>01/2023 - Nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần cấp thoát nước Bến Tre.</p>

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 7.770 cổ phần, chiếm 0,026% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 14.994.000 cổ phần, chiếm 51% vốn điều lệ (đại diện cho UBND tỉnh Bến Tre)
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ÔNG PHAN ĐÌNH TÂN
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ngày sinh	10/09/1954
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 27A Bàn Cờ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Đại học
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu.
Quá trình công tác	
1989 - 2000	Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2000 - 2016	Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu
2015 - nay	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần cấp thoát nước Bến Tre
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Hoàn cầu.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 4.410.000 cổ phần, chiếm 15% vốn điều lệ (đại diện cho Công ty TNHH Hoàn Cầu)
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÀ NGUYỄN THY PHƯƠNG
THÀNH VIÊN HĐQT KHÔNG CHUYÊN TRÁCH



Ngày sinh	1989
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	331/19 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ Tài chính doanh nghiệp
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên HĐQT không chuyên trách
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	<ul style="list-style-type: none">Thành viên HĐQT Công ty CP Du lịch Việt Nam Hà NộiTrưởng Ban kiểm soát Công ty CP Chứng khoán Bảo Minh
Quá trình công tác	
2011 - 2012	CBNV Công ty CP SX Nhựa Duy Tân
2012 - 2014	CBNV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam
2014 - 2018	CBNV Ngân hàng TMCP Quân Đội
2018 - nay	CBNV Công ty CP Tập Đoàn Đầu tư Hoàng Gia Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:

- Sở hữu cá nhân: 300 cổ phần, chiếm 0,001% vốn điều lệ
- Sở hữu đại diện: 5.109.510 cổ phần, chiếm 17,379% vốn điều lệ
- Người có liên quan: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TRONG NĂM 2024

- HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật.
- Bằng nhiều hình thức HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất để thực hiện chức năng giám sát và định hướng hoạt động của Công ty theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 đã đề ra. 100% thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, tích cực góp ý cho kế hoạch hoạt động của Công ty, góp ý cho công tác điều hành của Tổng giám đốc, bàn bạc thống nhất và cho ý kiến đối với những đề xuất của Ban Điều hành để mọi hoạt động sản xuất kinh doanh được diễn ra nhanh chóng, thuận lợi.
- Mỗi thành viên đều thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định. Chủ tịch HĐQT tích cực tham gia các cuộc họp giao ban công ty để dễ dàng nắm bắt tình hình hoạt động, theo dõi tình hình tài chính, hoạt động đầu tư phát triển,... chỉ đạo kịp thời để công ty hoạt động đảm bảo an toàn về tài chính, phát triển nguồn vốn, đạt hiệu quả cao trong hoạt động đầu tư. Có 2 thành viên HĐQT là TGD và phó TGD phụ trách kỹ thuật nên thuận lợi trong công tác phối hợp điều hành cùng với HĐQT.
- HĐQT chỉ đạo thực hiện tốt trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định.

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	06/06	100%	-
2	Ông Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT	06/06	100%	-
3	Ông Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	06/06	100%	-
4	Ông Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT	06/06	100%	-
5	Bà Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	03/06	50%	1 lần vắng do đi công tác, 2 lần ủy quyền ông Phan Đình Tân dự.

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	Số 50/NQ-HĐQT	13/3/2024	Về việc ban hành quy chế Công bố thông tin của Công ty	100%
02	Số 51/NQ-HĐQT	26/3/2024	Về việc thống nhất gia hạn thời gian Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024	100%
03	Số 52/NQ-HĐQT	26/3/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT ngày 26/3/2024	100%
04	Số 53/NQ-HĐQT	10/4/2024	Về việc thay đổi ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách Cổ đông tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2024 và gia hạn thời gian Đại hội	100%
05	Số 53A/NQ-HĐQT	10/4/2024	Về việc thống nhất phê chuẩn giới hạn tín dụng	100%
06	Số 54/NQ-HĐQT	14/5/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT ngày 14/5/2024	100%
07	Số 56/NQ-HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của Người quản lý và Người lao động Công ty năm 2023	100%
08	Số 57/NQ-HĐQT	30/07/2024	Nghị quyết về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của Người quản lý và Người lao động Công ty năm 2024	100%
09	Số 58/NQ-HĐQT	25/09/2024	Nghị quyết Hội đồng quản trị v/v thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT ngày 25/9/2024	100%
10	Số 59/NQ-HĐQT	25/12/2024	Nghị quyết Hội đồng Quản trị về việc thông qua các nội dung kỳ họp HĐQT Quý III năm 2024	100%

290 Quyết định phê duyệt đầu tư, phê duyệt dự toán, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu trong đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm vật tư, hàng hóa phục vụ sản xuất kinh doanh,... thuộc thẩm quyền của HĐQT (có bảng kèm theo).

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01A/QĐ-HĐQT	05/01/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa bùn Nhà máy nước Sơn Đông
2	01B/QĐ-HĐQT	12/01/2024	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán điều chỉnh hạng mục ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và ĐT.883. Dự án Tuyến ống cấp nước từ NMN Hữu Định về KCN Giao Long
3	01/QĐ-HĐQT	05/01/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN 15 mm phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành tháng 1/2024
4	1C/QĐ-HĐQT	13/01/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương lập dự toán phát sinh gói thầu thi công gói thầu số 2. Dự án Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về khu công nghiệp Giao Long
5	1D/QĐ-HĐQT	13/01/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày Bắc năm 2023
6	02A/QĐ-HĐQT	18/01/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hồ chứa bùn Nhà máy nước Sơn Đông
7	02/QĐ-HĐQT	18/01/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật thuộc Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thuộc công trình Hệ thống thoát nước nội ô thành phố Bến Tre năm 2023
8	2B/QĐ-HĐQT	18/01/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
9	03/QĐ-HĐQT	25/01/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
10	04/QĐ-HĐQT	26/01/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp gói thầu cung cấp PAC (Poly Aluminium Chloride) dùng xử lý nước sinh hoạt, hàm lượng $Al_2O_3 \geq 30\%$
11	05/QĐ-HĐQT	29/01/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình cải tạo thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2023
12	5A/QĐ-HĐQT	30/01/2024	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh hạng mục ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và ĐT883
13	06/QĐ-HĐQT	31/01/2024	Quyết định về việc phê duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật của gói thầu Cung cấp đồng hồ nước các loại thuộc dự toán mua sắm đồng hồ nước các loại phục vụ công tác lắp đặt mới và thay giá thành năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
14	07/QĐ-HĐQT	05/02/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hồ chứa bùn Nhà máy nước Sơn Đông
15	08/QĐ-HĐQT	07/02/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hồ chứa bùn Nhà máy nước Sơn Đông
16	09/QĐ-HĐQT	15/02/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn mời thầu gói thầu hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây lắp gói thầu hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
17	10/QĐ-HĐQT	19/02/2024	Quyết định phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công - dự toán công trình: Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2023
18	11/QĐ-HĐQT	20/02/2024	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp: Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
19	12/QĐ-HĐQT	21/02/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Gói thầu cung cấp đồng hồ nước các loại
20	13A/QĐ-HĐQT	26/02/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
21	13B/QĐ-HĐQT	28/02/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình đập thép tạm ngăn mặn trên sông Cái Cỏ
22	13/QĐ-HĐQT	26/02/2024	Quyết định phê duyệt đề cương và dự toán chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục ống cấp nước D400 và D315 đường Huỳnh Tấn Phát và ĐT883
23	14A/QĐ-HĐQT	29/02/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình đập thép tạm ngăn mặn trên sông Cái Cỏ
24	14/QĐ-HĐQT	29/02/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
25	15A/QĐ-HĐQT	08/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
26	15/QĐ-HĐQT	05/03/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2023
27	16/QĐ-HĐQT	14/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình cải tạo thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2023
28	17/QĐ-HĐQT	19/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
29	18/QĐ-HĐQT	21/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - dự toán công trình: thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
30	19/QĐ-HĐQT	25/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công dự toán công trình Hệ thống thoát nước nội ô thành phố Bến Tre năm 2023
31	20A/QĐ-HĐQT	25/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán công trình đập thép tạm ngăn mặn trên sông Cái Cỏ
32	20/QĐ-HĐQT	25/03/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp: Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
33	21A/QĐ-HĐQT	30/03/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2024
34	21/QĐ-HĐQT	26/03/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
35	22A/QĐ-HĐQT	05/04/2024	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
36	22/QĐ-HĐQT	04/04/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (GĐ 1)
37	23A/QĐ-HĐQT	06/04/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng khẩn cấp công trình di dời và lắp đặt hệ thống lọc mặn RO tại Nhà máy nước Lương Qưới
38	23C/QĐ-HĐQT	06/04/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
39	23/QĐ-HĐQT	05/04/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (giai đoạn 1)
40	24A/QĐ-HĐQT	08/04/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Sơn Đông
41	24B/QĐ-HĐQT	11/04/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Đập thép tạm ngăn mặn trên sông Cái Cỏ
42	24/QĐ-HĐQT	08/04/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
43	25A/QĐ-HĐQT	16/04/2024	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp MLCN TP Bến Tre năm 2023
44	25/QĐ-HĐQT	12/04/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
45	26/QĐ-HĐQT	22/04/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Phan Thị Thúy Hoa
46	27/QĐ-HĐQT	22/04/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động Nguyễn Văn Đông
47	28/QĐ-HĐQT	24/04/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp thuê hoàn trả bê tông nhựa. công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
48	29/QĐ-HĐQT	25/04/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Hoàng Ngọc Sơn
49	30/QĐ-HĐQT	26/04/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu dịch vụ tư vấn gói thầu dịch vụ tư vấn kiểm toán dự án Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long
50	31/QĐ-HĐQT	26/04/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (giai đoạn 1)
51	32/QĐ-HĐQT	03/05/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
52	33/QĐ-HĐQT	06/05/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
53	34/QĐ-HĐQT	07/05/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
54	35/QĐ-HĐQT	08/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2
55	36/QĐ-HĐQT	08/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu: tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
56	37/QĐ-HĐQT	08/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
57	38/QĐ-HĐQT	08/05/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
58	39/QĐ-HĐQT	10/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình: Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (GĐ 1)
59	40/QĐ-HĐQT	11/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình: ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
60	41A/QĐ-HĐQT	14/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình di dời và lắp đặt hệ thống lọc mặn RO tại Nhà máy nước Lương Qưới

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
61	41/QĐ-HĐQT	13/05/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
62	42A/QĐ-HĐQT	14/05/2024	Quyết định về việc đề nghị phê duyệt dự toán mua sắm máy bơm ly tâm trục ngang phục vụ công trình Trạm bơm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
63	42/QĐ-HĐQT	13/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
64	43/QĐ-HĐQT	14/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm máy bơm ly tâm trục ngang phục vụ công trình Trạm bơm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
65	44/QĐ-HĐQT	20/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
66	45/QĐ-HĐQT	22/05/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Nguyễn Thành Chiến
67	46/QĐ-HĐQT	22/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
68	47/QĐ-HĐQT	22/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán (phát sinh tăng) công trình Cải tạo thay thế và nâng cấp MLCN TP Bến Tre năm 2023
69	48A/QĐ-HĐQT	24/05/2024	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (giai đoạn 1)
70	48B/QĐ-HĐQT	24/05/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (giai đoạn 1)
71	48/QĐ-HĐQT	23/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm Máy bơm ly tâm trục ngang dạng split casing (vỏ sò)
72	49A/QĐ-HĐQT	24/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
73	49/QĐ-HĐQT	27/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm ly tâm trục ngang phục vụ công trình Trạm bơm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
74	50/QĐ-HĐQT	27/05/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà Trần Thị Mỹ Hà
75	51A/QĐ-HĐQT	28/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hệ thống cấp nước khu tái định cư cầu Rạch Miễu 2 (giai đoạn 1)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
76	51/QĐ-HĐQT	28/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm ly tâm trục ngang phục vụ công trình Trạm bơm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
77	52A/QĐ-HĐQT	29/05/2024	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
78	52/QĐ-HĐQT	28/05/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
79	53A/QĐ-HĐQT	29/05/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
80	53/QĐ-HĐQT	29/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy bơm ly tâm trục ngang dạng split casing (vỏ sò)
81	54A/QĐ-HĐQT	30/05/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tháo đập thép số 1 xã Tam Phước
82	54B/QĐ-HĐQT	30/05/2024	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
83	54C/QĐ-HĐQT	31/05/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình thay thế ống cấp nước đường gom phục vụ dân sinh đoạn từ cầu Hàm Luông đến vòng xoay Thanh Tân
84	54/QĐ-HĐQT	30/05/2024	Quyết định phê duyệt dự toán bổ sung công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước Thành phố Bến Tre năm 2023
85	55A/QĐ-HĐQT	04/06/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cụm xử lý 5.000 m3/ngày đêm năm 2024- Chi nhánh cấp nước Phú Tân
86	55/QĐ-HĐQT	04/06/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
87	56/QĐ-HĐQT	07/06/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
88	57A/QĐ-HĐQT	10/06/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp MLCN TP Bến Tre năm 2023
89	57/QĐ-HĐQT	07/06/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình di dời và lắp đặt hệ thống lọc mặn RO tại Nhà máy nước Lương Quới
90	58/QĐ-HĐQT	13/06/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
91	59/QĐ-HĐQT	14/06/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa bể lọc số 2- cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
92	60/QĐ-HĐQT	18/06/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: di dời và lắp đặt hệ thống lọc mận RO tại Nhà máy nước Lương Quới
93	61/QĐ-HĐQT	20/06/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình di dời và lắp đặt hệ thống lọc mận RO tại Nhà máy nước Lương Quới
94	62/QĐ-HĐQT	20/06/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
95	63/QĐ-HĐQT	21/06/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
96	64/QĐ-HĐQT	21/06/2024	Quyết định chỉ định thầu giám sát thi công công trình di dời và lắp đặt hệ thống lọc mận RO tại Nhà máy nước Lương Quới
97	65/QĐ-HĐQT	24/06/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
98	66A/QĐ-HĐQT	25/06/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
99	66/QĐ-HĐQT	25/06/2024	Quyết định v/v phê duyệt hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu Cung cấp máy bơm ly tâm trục ngang dạng split casing(vỏ sò)
100	67/QĐ-HĐQT	26/06/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Di dời và lắp đặt hệ thống lọc mận RO tại Nhà máy nước nước Lương Quới
101	68/QĐ-HĐQT	28/06/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
102	69/QĐ-HĐQT	28/06/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
103	70A/QĐ-HĐQT	01/07/2024	Quyết định về việc thành lập Tổ thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu tư vấn, gói thầu xây lắp và mua sắm hàng hóa do Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre làm chủ đầu tư
104	70B/QĐ-HĐQT	02/07/2024	Quyết định phê duyệt dự toán phát sinh công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
105	70/QĐ-HĐQT	29/06/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
106	71/QĐ-HĐQT	04/07/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình lắp đặt thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 Ba Lai mới
107	72/QĐ-HĐQT	04/07/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
108	73/QĐ-HĐQT	04/07/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình Sửa chữa bể lọc số 2 - cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
109	74/QĐ-HĐQT	08/07/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
110	75A/QĐ-HĐQT	08/07/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình cải tạo mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
111	75/QĐ-HĐQT	08/07/2024	Quyết định về việc ban hành Quy chế mua sắm và quản lý tài sản, vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh
112	76/QĐ-HĐQT	09/07/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - dự toán công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
113	78/QĐ-HĐQT	09/07/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA nhà máy nước Sơn Đông
114	79/QĐ-HĐQT	10/07/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA. Địa điểm cầu Ba Lai mới huyện Châu Thành
115	80/QĐ-HĐQT	15/07/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D160 phục vụ công trình Ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
116	81A/QĐ-HĐQT	25/07/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024
117	81/QĐ-HĐQT	15/07/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp phụ tùng gang các loại phục vụ công trình Ống cấp nước Đại lộ Đông Tây (giai đoạn 2)
118	82A/QĐ-HĐQT	26/07/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA nhà máy nước Sơn Đông
119	82/QĐ-HĐQT	26/07/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Lê Xuân Ân
120	84A/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình Trạm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
121	84/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
122	85/QĐ-HĐQT	31/07/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu cung cấp máy bơm ly tâm trục ngang dạng Split casing (vỏ sò) thuộc dự án Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
123	86/QĐ-HĐQT	01/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình cụm xử lý 5.000m ³ /ngày đêm năm 2024- CNCN Phú Tân
124	87A/QĐ-HĐQT	02/08/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
125	87B/QĐ-HĐQT	02/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trạm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
126	87/QĐ-HĐQT	01/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
127	88A/QĐ-HĐQT	06/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
128	88/QĐ-HĐQT	05/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm PAC phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2024
129	89A/QĐ-HĐQT	07/08/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm 2024
130	89/QĐ-HĐQT	07/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
131	90/QĐ-HĐQT	08/08/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
132	91/QĐ-HĐQT	08/08/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa bể lọc số 2 - cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
133	92/QĐ-HĐQT	08/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công dự toán công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024
134	93/QĐ-HĐQT	08/08/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Trần Hữu Đức
135	94/QĐ-HĐQT	10/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán công trình Trạm cấp 1 dã chiến NMN Hữu Định năm 2024
136	95A/QĐ-HĐQT	12/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
137	95/QĐ-HĐQT	12/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp PAC phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2024
138	96/QĐ-HĐQT	12/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
139	97/QĐ-HĐQT	12/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa bể lọc số 2 cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
140	98/QĐ-HĐQT	14/08/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
141	100/QĐ-HĐQT	19/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công dự toán công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
142	101/QĐ-HĐQT	19/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
143	102A/QĐ-HĐQT	20/08/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
144	102/QĐ-HĐQT	20/08/2024	Quyết định v/v phê duyệt E-HSMT chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa qua mạng gói thầu cung cấp PAC (Ply Aluminium Chloride), hàm lượng Al ₂ O ₃ ≥ 30% dùng xử lý nước sinh hoạt)
145	103/QĐ-HĐQT	22/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu sửa chữa bể lọc số 2 - cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
146	104/QĐ-HĐQT	23/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
147	105/QĐ-HĐQT	23/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
148	106/QĐ-HĐQT	23/08/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với ông Đỗ Thành Thắng
149	107/QĐ-HĐQT	23/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình sửa chữa bể lọc số 2 - cụm bể lọc thép 3.600 m ³ /ngày đêm
150	108/QĐ-HĐQT	23/08/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA nhà máy nước Sơn Đông
151	109/QĐ-HĐQT	26/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
152	110/QĐ-HĐQT	27/08/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
153	111/QĐ-HĐQT	27/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA Nhà máy nước Sơn Đông
154	112/QĐ-HĐQT	28/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
155	113/QĐ-HĐQT	28/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm xe ô tô tải 1.5 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh
156	114/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
157	115/QĐ-HĐQT	29/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu Hồ chứa bùn nhà máy nước Lương Quới
158	116/QĐ-HĐQT	30/08/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
159	117/QĐ-HĐQT	30/08/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024
160	118/QĐ-HĐQT	06/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình cụm xử lý 5000 m ³ /ngày đêm năm 2024 - CNCN Phú Tân
161	119/QĐ-HĐQT	06/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp xe ô tô tải 1,5 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh
162	120A/QĐ-HĐQT	09/09/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
163	120/QĐ-HĐQT	09/09/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
164	121A/QĐ-HĐQT	09/09/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
165	121/QĐ-HĐQT	09/09/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trạm cấp 1 đã chiến NMN Hữu Định năm 2024
166	122/QĐ-HĐQT	11/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Dự toán (phát sinh tăng) công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
167	123/QĐ-HĐQT	13/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng gói thầu Ống cấp nước các loại thuộc công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
168	123-1/QĐ-HĐQT	16/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp PAC hàm lượng Al ₂ O ₃ >=30% dùng xử lý nước sinh hoạt thuộc dự toán mua sắm PAC phục vụ công tác sản xuất nước 6 tháng cuối năm 2024
169	124/QĐ-HĐQT	16/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình trạm cấp 1 đã chiến NMN Hữu Định năm 2024
170	125/QĐ-HĐQT	16/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
171	126/QĐ-HĐQT	17/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình cải tạo mạng lưới cấp nước xã Lương Hòa năm 2024
172	127/QĐ-HĐQT	18/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp Sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA nhà máy nước Sơn Đông
173	128/QĐ-HĐQT	18/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công gói thầu xây lắp Sửa chữa đường dây 22kV và trạm biến áp 560kVA nhà máy nước Sơn Đông
174	129A/QĐ-HĐQT	20/09/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
175	129/QĐ-HĐQT	19/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Trạm cấp 1 đã chiến NMN Hữu Định năm 2024
176	130A/QĐ-HĐQT	23/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
177	130/QĐ-HĐQT	23/09/2024	Quyết định phê duyệt dự toán (bổ sung) công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
178	131/QĐ-HĐQT	23/09/2024	Quyết định về việc nghỉ hưu trí để hưởng chế độ Bảo hiểm xã hội của ông Diệp Văn Súa
179	132/QĐ-HĐQT	24/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA. Địa điểm cầu Ba Lai mới huyện Châu Thành
180	133/QĐ-HĐQT	24/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt HSYC chỉ định thầu thông thường mua sắm hàng hóa gói thầu Cung cấp xe ô tô tải 1.5 tấn
181	134/QĐ-HĐQT	25/09/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành
182	135/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
183	136/QĐ-HĐQT	26/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ đo lưu lượng điện từ DN300 nguồn pin phục vụ công tác lắp đặt đồng hồ DN300 cầu Bến Tre
184	137A/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
185	137/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
186	138/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
187	139/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận
188	140/QĐ-HĐQT	27/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm máy dò tìm có chức năng lọc âm
189	141A/QĐ-HĐQT	30/09/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024
190	141/QĐ-HĐQT	30/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng điện từ DN300 nguồn pin phục vụ công tác lắp đặt đồng hồ DN300 cầu Bến Tre
191	142/QĐ-HĐQT	30/09/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
192	143/QĐ-HĐQT	30/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2024
193	144A/QĐ-HĐQT	01/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
194	144B/QĐ-HĐQT	02/10/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024
195	144/QĐ-HĐQT	30/09/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu cung cấp xe ô tô tải 1.5 tấn phục vụ sản xuất kinh doanh
196	145/QĐ-HĐQT	03/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
197	146/QĐ-HĐQT	03/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
198	147/QĐ-HĐQT	04/10/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo Kinh tế kỹ thuật công trình Cụm xử lý 5.000 m ³ / ngày đêm năm 2024- Chi nhánh cấp nước Phú Tân

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
199	148/QĐ-HĐQT	07/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
200	149/QĐ-HĐQT	08/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt HSYC chỉ định thầu gói thầu cung cấp đồng hồ đo lưu lượng điện từ DN300 nguồn pin
201	150/QĐ-HĐQT	09/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
202	151/QĐ-HĐQT	11/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán Công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024
203	152A/QĐ-HĐQT	12/10/2024	Quyết định phê duyệt giá trị dự toán phát sinh công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận. Hạng mục ống HDPE D225
204	152/QĐ-HĐQT	11/10/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
205	153/QĐ-HĐQT	14/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Xây dựng nhà kho cho Nhà máy nước Lương Quới
206	154A/QĐ-HĐQT	14/10/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận. Hạng mục ống HDPE D225
207	155/QĐ-HĐQT	14/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu Cung cấp đồng hồ đo lưu lượng điện từ DN300 nguồn pin
208	156A/QĐ-HĐQT	15/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Tuyến ống cấp nước từ cầu Bến Tre đến cầu An Thuận. Hạng mục ống HDPE D225
209	156/QĐ-HĐQT	14/10/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với bà Phạm Thanh Hằng
210	157/QĐ-HĐQT	16/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
211	158/QĐ-HĐQT	16/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Xây dựng nhà kho cho nhà máy nước Lương Quới
212	159/QĐ-HĐQT	17/10/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
213	160/QĐ-HĐQT	21/10/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình: nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA
214	161/QĐ-HĐQT	21/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
215	162/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành
216	163/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình cụm xử lý 5.000 m ³ /ngày đêm năm 2024 - chi nhánh cấp nước Phú Tân
217	164/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
218	165/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ bản vẽ thi công - Dự toán công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
219	166/QĐ-HĐQT	22/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D63 phục vụ công trình Mạng lưới cấp nước huyện Giồng Trôm năm 2024
220	167/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu Tư vấn mời thầu đánh giá hồ sơ dự thầu công trình cụm xử lý 5000 m ³ /ngày đêm chi nhánh cấp nước Phú Tân
221	168/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, đọc dữ liệu từ xa)
222	169/QĐ-HĐQT	23/10/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp thuê hoàn trả bê tông nhựa công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
223	170/QĐ-HĐQT	25/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp ống HDPE D250 phục vụ công trình Tuyến ống cấp nước dọc đường Đoàn Hoàng Minh
224	171/QĐ-HĐQT	26/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA
225	172/QĐ-HĐQT	30/10/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp máy dò tìm có chức năng lọc âm
226	173/QĐ-HĐQT	01/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm thiết bị dò tìm rò rỉ khuếch đại âm không dây Mikron3
227	174/QĐ-HĐQT	01/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024
228	175/QĐ-HĐQT	04/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình cụm xử lý 5.000m ³ /ngày đêm năm 2024 - chi nhánh cấp nước Phú Tân
229	176/QĐ-HĐQT	04/11/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
230	177/QĐ-HĐQT	04/11/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
231	178/QĐ-HĐQT	05/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt HSYC chỉ định thầu thông thường mua sắm máy dò tìm có chức năng lọc âm
232	179/QĐ-HĐQT	05/11/2024	Quyết định v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị dò tìm rò rỉ khuếch đại âm không dây Mikron 3
233	180A/QĐ-HĐQT	11/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024
234	180/QĐ-HĐQT	11/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
235	181A/QĐ-HĐQT	12/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt HSYC chỉ định thầu thông thường mua sắm thiết bị dò tìm rò rỉ khuếch đại âm không dây Mikron 3
236	181/QĐ-HĐQT	11/11/2024	Quyết định về việc đề nghị phê duyệt dự toán mua sắm thiết bị cảm biến (Model Cyble RF-Radio) và thiết bị đọc cảm tay (Model BT RF Master)
237	182/QĐ-HĐQT	14/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt dự toán mua sắm đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, đọc dữ liệu từ xa)
238	183/QĐ-HĐQT	15/11/2024	Quyết định về việc thành lập Tổ tư vấn nghiên cứu, thống nhất nội dung dự thảo Hợp đồng xây dựng hệ thống tiền lương cho viên chức quản lý và người lao động Công ty
239	184/QĐ-HĐQT	16/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu cung cấp máy dò tìm có chức năng lọc âm
240	185/QĐ-HĐQT	16/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
241	186/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024
242	187/QĐ-HĐQT	18/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp thiết bị cảm biến (Model Cyble RF-Radio) và thiết bị đọc cảm tay (Model BT RF Master)
243	188/QĐ-HĐQT	19/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu qua mạng E-HSMT gói thầu xây lắp Cụm xử lý 5.000 m ³ /ngày đêm
244	189/QĐ-HĐQT	19/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán (điều chỉnh) công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
245	190/QĐ-HĐQT	19/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước TP Bến Tre đợt 1/2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
246	191/QĐ-HĐQT	19/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu cung cấp thiết bị dò tìm rò rỉ khuếch đại âm không dây Mikron 3
247	192/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Mạng lưới cấp nước Tp Bến Tre đợt 1/2024
248	193A/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt HSYC chỉ định thầu thông thường mua sắm thiết bị cảm biến (Model Cyble RF-Radio) và thiết bị đọc cảm tay (Model BT RF Master)
249	193/QĐ-HĐQT	21/11/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
250	194/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, đọc dữ liệu từ xa)
251	195/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
252	196/QĐ-HĐQT	25/11/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
253	197/QĐ-HĐQT	26/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp Ống các loại thuộc công trình Mạng lưới cấp nước Chợ Lách năm 2024
254	198/QĐ-HĐQT	26/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - Dự toán công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2024
255	199/QĐ-HĐQT	26/11/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
256	200/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA
257	201/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
258	202/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
259	203/QĐ-HĐQT	29/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu của gói thầu cung cấp thiết bị cảm biến và thiết bị đọc cảm tay
260	204/QĐ-HĐQT	30/11/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
261	205/QĐ-HĐQT	02/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu tư vấn mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu: Lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng gói thầu xây lắp Ống cấp nước các loại thuộc công trình: Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
262	206/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thẩm tra hồ sơ Bản vẽ thi công - dự toán công trình: Trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành (G1, G3, G5, G7, G8, G9, G10, G11 và G13)
263	207/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT đấu thầu rộng rãi qua mạng gói thầu: cung cấp đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, đọc dữ liệu từ xa)
264	208/QĐ-HĐQT	03/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Hồ chứa bùn trạm cấp nước Chợ Lách
265	209/QĐ-HĐQT	04/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp gói thầu xây lắp: nâng công suất trạm từ 250kVA lên thành 630kVA
266	211/QĐ-HĐQT	06/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
267	212/QĐ-HĐQT	06/12/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
268	215/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Quyết định về việc thành lập Hội đồng thi đua, khen thưởng
269	216/QĐ-HĐQT	09/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, loại buồng đo thể tích)
270	217/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024
271	218/QĐ-HĐQT	12/12/2024	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông
272	219/QĐ-HĐQT	14/12/2024	Quyết định v/v phê duyệt E-HSMT gói thầu cung cấp đồng hồ nước DN15mm (cấp 2, loại buồng đo thể tích)
273	220/QĐ-HĐQT	14/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước huyện Châu Thành năm 2024
274	221/QĐ-HĐQT	16/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu thi công xây lắp công trình Xây mới hàng rào Chi nhánh cấp nước Phú Tân
275	222/QĐ-HĐQT	18/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt E-HSMT gói thầu ống cấp nước các loại thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
276	223/QĐ-HĐQT	23/12/2024	Quyết định về việc thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản, vật tư thời điểm 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2025
277	224/QĐ-HĐQT	24/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình lắp thêm máy bơm - Trạm bơm cấp 1 cầu Ba Lai mới
278	225/QĐ-HĐQT	24/12/2024	Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành
279	226/QĐ-HĐQT	24/12/2024	Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre và các vùng lân cận năm 2024
280	227/QĐ-HĐQT	25/12/2024	Quyết định phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông
281	228/QĐ-HĐQT	25/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Tuyến ống vượt sông Hàm Luông
282	229/QĐ-HĐQT	26/12/2024	Quyết định về việc chấm dứt Hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Quốc Thông
283	230/QĐ-HĐQT	26/12/2024	Quyết định về việc chỉ định thầu giám sát thi công công trình mạng lưới cấp nước huyện Mỏ Cày năm 2024
284	231/QĐ-HĐQT	26/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình trám lấp 9 giếng khoan bãi giếng Châu Thành
285	232/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2024
286	233/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình trạm cấp 1 đã chiến NMN Hữu Định năm 2024
287	234/QĐ-HĐQT	30/12/2024	Quyết định phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình trạm cấp 1 đã chiến NMN Hữu Định năm 2024
288	235/QĐ-HĐQT	12/30/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán công trình Ống cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 2
289	236/QĐ-HĐQT	12/30/2024	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh giá các gói thầu thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Ống cấp nước Đại lộ Đông Tây giai đoạn 2
290	237/QĐ-HĐQT	31/12/2024	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Cải tạo, thay thế và nâng cấp mạng lưới cấp nước thành phố Bến Tre năm 2024

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

Hiện tại, Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Các khóa đào tạo về quản trị Công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Công ty đã tham gia theo quy định về quản trị Công ty:

- Tham dự **Hội nghị do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)** phối hợp tổ chức vào ngày 28/6/2024 về "*Những vấn đề lưu ý trong việc tuân thủ quy định pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán của Công ty đại chúng, Công ty niêm yết; Các sai sót trong lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty đại chúng, Công ty niêm yết*";
- Tham dự Hội thảo chuyên đề "*Quy định pháp lý về quản trị Công ty, nghĩa vụ công bố thông tin và tầm quan trọng của IR đối với Công ty đại chúng*" do **Ủy ban Chứng khoán Nhà nước** tổ chức vào ngày 21/8/2024;
- Tham dự Hội thảo trực tuyến chuyên đề "*Nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị Công ty đại chúng bằng các quy định nội bộ*" do **Công ty cổ phần chứng khoán FPT Chi nhánh TP.HCM** tổ chức vào ngày 13/9/2024;
- Tham dự khóa đào tạo về "*Công bố thông tin và quản trị công ty trên thị trường chứng khoán*" do **Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội** tổ chức vào ngày 27/9/2024



BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính đến ngày 31/12/2024

STT	Thành viên	Chức vụ	Đại diện sở hữu		Sở hữu cá nhân	
			Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	-	-	13.230	0,045%
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	-	-	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	-	-	-

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

SỐ LƯỢNG CÁC CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Lê Văn Phong	Trưởng BKS	02/02	100%	-
2	Ông Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	02/02	100%	-
3	Bà Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	02/02	100%	-

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Trong năm 2024, sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong các mặt hoạt động điều hành được thực hiện rất tốt. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã thường xuyên cung cấp các thông tin về hoạt động SXKD của Công ty và các Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD theo định kỳ hàng tháng; các tài liệu khác cho Ban kiểm soát đúng quy định. Người đứng đầu các bộ phận trong bộ máy quản lý, điều hành Công ty thực hiện tốt Điều lệ Công ty, các Quy chế quản trị Công ty đã ban hành.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BKS ĐỐI VỚI HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CỔ ĐÔNG

- Trưởng Ban kiểm soát thực hiện giám sát thường xuyên mọi hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc. Giám sát việc thực hiện Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty, giám sát quá trình chuẩn bị Đại hội cổ đông thường niên năm 2024, giám sát việc thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị ban hành, giám sát việc thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Giám sát việc ghi sổ sách chứng từ kế toán trong Công ty; xem xét các chỉ số tài chính trong báo cáo tài chính đã công bố.
- Xem các hồ sơ, sổ sách có liên quan trong hoạt động của Công ty theo đúng thẩm quyền của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát. Theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất - kinh doanh trong năm 2024 của Ban điều hành.
- Tham gia các cuộc họp HĐQT, họp giao ban, họp triển khai những công việc quan trọng, họp về lựa chọn nhà thầu trong đầu tư XDCB và mua sắm hàng hóa, nghiệm thu các công trình.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỜNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương	Thù lao	Khoản lợi ích khác
1	Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	616.556.160	-	9.324.000
2	Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	583.228.800	-	7.560.000
3	Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	520.164.384	-	1.638.000
4	Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
5	Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-
6	Lê Văn Phong	Trưởng BKS	520.164.384	-	15.876.000
7	Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
8	Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	-	54.000.000	-
9	Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám đốc	520.164.384	-	20.538.000
10	Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	474.932.711	-	25.038.000
11	Nguyễn Trung Hiếu	Thư ký	-	42.000.000	-
12	Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	-	42.000.000	-



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Không có

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI BÊN CÓ LIÊN QUAN

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Trả cổ tức			
1	Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	22.579.200.000	
2	Công ty cổ phần Cấp thoát nước Thủy Anh	6.131.412.000	Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024 số 55/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2024
3	Công ty TNHH Hoàn Cầu	5.292.000.000	



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị Công ty. Công ty luôn xem xét các thông lệ về quản trị Công ty để đáp ứng sao cho phù hợp với doanh nghiệp và mang lại hiệu quả hoạt động.

Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ Công ty. Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ đã được ban hành, điều chỉnh theo qui định pháp luật hiện hành và tiệm cận với các thông lệ tốt về quản trị.



06



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Số: 22/18/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2025 (từ trang 07 đến trang 31), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Báo cáo kiểm toán (tiếp theo)

VIETVALUES

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES**



Trần Văn Hiệp – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN số 2141-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Nguyễn Thị Tuyết Vân – Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN số 2839-2025-071-1

Nơi nhận:

- Như trên
- Liên **VIETVALUES**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		93.471.161.810	91.583.643.410
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	78.282.679.032	62.657.030.841
111	1. Tiền		76.282.679.032	60.657.030.841
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.000.000.000	2.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.022.302.613	17.119.705.617
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	989.383.616	15.490.859.950
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	857.814.887	1.442.632.295
136	3. Phải thu ngắn hạn khác		175.104.110	186.213.372
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	-
140	IV. Hàng tồn kho	V.4	11.866.755.877	10.469.922.656
141	1. Hàng tồn kho		11.866.755.877	10.469.922.656
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.299.424.288	1.336.984.296
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.5a	1.299.348.763	1.264.138.830
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.11	75.525	72.845.466
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		454.536.579.086	460.651.830.230
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		425.477.388.338	416.114.551.915
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.6	425.312.036.740	416.072.885.248
222	- Nguyên giá		971.457.139.945	923.584.894.919
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(546.145.103.205)	(507.512.009.671)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.7	165.351.598	41.666.667
228	- Nguyên giá		1.513.000.000	1.338.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.347.648.402)	(1.296.333.333)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.987.654.595	25.475.279.246
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.8	5.987.654.595	25.475.279.246
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		23.071.536.153	19.061.999.069
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.5b	23.071.536.153	19.061.999.069
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		548.007.740.896	552.235.473.640

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		89.995.675.765	109.620.342.008
310	I. Nợ ngắn hạn		44.520.157.483	47.916.790.489
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.9	2.331.857.315	3.949.425.299
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.10	176.567.899	160.203.930
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.11	3.046.633.594	3.489.725.843
314	4. Phải trả người lao động	V.12	7.085.049.374	5.726.798.357
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.13	323.788.525	461.509.896
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.14	696.455.982	2.989.470.918
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.15a	27.135.100.000	25.707.428.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.16	3.724.704.794	5.432.228.246
330	II. Nợ dài hạn		45.475.518.282	61.703.551.519
337	1. Phải trả dài hạn khác		-	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.15b	45.475.518.282	61.703.551.519
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.17	458.012.065.131	442.615.131.632
410	I. Vốn chủ sở hữu		458.012.065.131	442.615.131.632
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		294.000.000.000	294.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		294.000.000.000	294.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		111.014.528.469	95.062.767.223
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		52.997.536.662	53.552.364.409
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		11.760.000.000	14.700.000.000
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		41.237.536.662	38.852.364.409
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		548.007.740.896	552.235.473.640

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG

Ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT



TRẦN HÙNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	242.337.437.045	225.759.833.952
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		633.947	157.775
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		242.336.803.098	225.759.676.177
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	89.020.344.930	83.367.601.027
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		153.316.458.168	142.392.075.150
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	202.454.954	187.373.810
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	6.481.983.465	4.455.696.082
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		6.481.983.465	4.455.696.082
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	56.058.073.943	53.188.481.427
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	21.532.161.686	19.337.190.501
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.446.694.028	65.598.080.950
31	11. Thu nhập khác	VI.7	521.038.297	1.315.103.015
32	12. Chi phí khác		227.659.809	55.551.641
40	13. Lợi nhuận khác		293.378.488	1.259.551.374
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		69.740.072.516	66.857.632.324
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	11.962.535.854	11.465.267.915
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		57.777.536.662	55.392.364.409
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.9	1.764	1.626
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	1.764	1.626

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN DUY HIỀN

VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

DVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		275.289.310.500	243.295.920.173
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(101.369.242.799)	(84.671.839.136)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(38.317.760.086)	(37.989.759.766)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(6.619.704.836)	(4.595.057.133)
05	5. Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(12.399.217.077)	(10.479.988.488)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.501.999.432	1.576.074.726
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(26.373.688.516)	(23.599.352.171)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	V.11	91.711.696.618	83.535.998.205
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(26.005.687.190)	(42.998.062.929)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.163.244.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(26.005.687.190)	(41.834.818.929)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỬ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.15	11.070.276.763	45.193.979.519
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.15	(25.870.638.000)	(20.095.000.000)
35	5. Tiền trả gốc nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.17c	(35.280.000.000)	(27.136.962.875)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(50.080.361.237)	(2.037.983.356)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		15.625.648.191	39.663.195.920
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		62.657.030.841	22.993.834.921
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	78.282.679.032	62.657.030.841

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Chủ tịch HĐQT

NGUYỄN DUY HIỀN

VÕ THỊ THIÊN TRANG



TRẦN HÙNG

Báo cáo này được đọc kèm với Thuyết minh Báo cáo tài chính

10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre (Sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cấp thoát nước Bến Tre, với cổ phần vốn Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất nước và xây lắp, xây dựng công trình.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, xử lý và cung cấp nước, chi tiết: Sản xuất và phân phối nước sạch;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình công nghiệp. Thi công xây lắp cấp thoát nước trong và ngoài công trình, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư và khu công nghiệp.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2024 do những ảnh hưởng nhất định như thời tiết nắng nóng gay gắt, nước mặn xâm nhập,... nhưng nhờ có kế hoạch ứng phó và triển khai đồng bộ đã đạt hiệu quả cao, cung cấp nước sạch đảm bảo an toàn, chất lượng. Từ đó sản lượng nước tiêu thụ tăng mạnh so với năm trước. Doanh thu năm nay tăng 7,34%, trong khi đó giá vốn tăng 6,78% dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 5,87% so với năm trước.

6. Cấu trúc Công ty

Thông tin về chi nhánh

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc như sau:

STT	Tên chi nhánh và địa điểm kinh doanh	Địa chỉ	Mã số thuế
1	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Xây lắp.	Số 81A, Ấp 1, Quốc lộ 60, xã Hữu Định, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.	1300107725-002
2	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Xí nghiệp Tư vấn Xây dựng.	Số 103 Nguyễn Huệ, Phường An Hội, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-003
3	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Giồng Trôm.	Số 005, Khu phố 3, thị trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.	1300107725-004
4	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Chợ Lách.	Ấp Tân Phú, xã Sơn Định, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.	1300107725-005

5	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Mỏ Cày.	Ấp Mỹ Đức, xã Mỹ Thành, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre.	1300107725-006
6	Chi nhánh Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre - Cấp nước Phú Tân.	Số 81A, QL60, Khu phố 1, phường Phú Tân, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	1300107725-007

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 284 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 286 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí sản xuất chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 25
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 – 10

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Quỹ tiền lương

Quỹ lương cán bộ công nhân viên và người quản lý trong năm 2024 được tạm trích theo Nghị quyết số 57/NQ-HĐQT ngày 30/07/2024 của Công ty CP Cấp nước Bến Tre về việc xác định Quỹ lương kế hoạch cho Người quản lý và Người Lao Động năm 2024.

Tại ngày 31/12/2024 quỹ lương thực hiện năm 2024 của Người quản lý và cán bộ công nhân viên được trích theo Công văn số 1791/UBND-TH ngày 21/03/2025 của UBND Tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý, kiểm soát viên và người lao động Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bến Tre năm 2024.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

12. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tạm trích lập các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

13. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm: vật tư, nước sạch thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, thành phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng hoạt động xây dựng đã cung cấp, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

15. **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn.

16. **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20%.

Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

19. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

28
NG
HỆ
ẢNH
Ả

28
TY
HỘ
TU
VI
59

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.849.796	7.812.723
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	76.280.829.236	60.649.218.118
- Các khoản tương đương tiền (*)	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	78.282.679.032	62.657.030.841

(*) Các khoản tương đương tiền

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

Chi tiết gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn NH TMCP Nam Á	2.000.000.000	2.000.000.000
Cộng	2.000.000.000	2.000.000.000

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	989.383.616	15.490.859.950
- Phải thu tiền nước của các hộ dân	605.759.597	15.107.235.931
- Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Bến Tre	267.155.947	267.155.947
- Ban QLDA ĐTXD các CT NN&PTNT Tỉnh BT	116.468.072	116.468.072
Cộng	989.383.616	15.490.859.950

(*) Tại ngày 31/12/2024, nợ quá hạn chưa thu hồi số tiền là 436.625.666 đồng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước các cá nhân, tổ chức khác</i>	857.814.887	1.442.632.295
- Công ty CP Xây Dựng Wacom	521.542.275	-
- Sở Tài nguyên Và Môi trường Bến Tre - Chợ Lách (*)	205.472.612	271.322.154
- Các nhà cung cấp khác	130.800.000	1.171.310.141
Cộng	857.814.887	1.442.632.295

(*) Là khoản phải trả phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp.

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu (*)	11.847.627.291	-	10.453.709.258	-
- Công cụ, dụng cụ	17.128.586	-	16.213.398	-
- Chi phí SXKD dở dang	2.000.000	-	-	-
Cộng	11.866.755.877	-	10.469.922.656	-

(*) Nguyên vật liệu chủ yếu là các thiết bị về ngành nước (ống nước, thủy lượng kế,...).

5. Chi phí trả trước

5a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chủ yếu là khoản chi phí mua bảo hiểm.

5b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí đồng hồ gắn và thay mới thủy lượng kế	17.255.489.729	13.857.556.265
- Chi phí trả trước dài hạn khác	5.816.046.424	5.204.442.804
Cộng	23.071.536.153	19.061.999.069

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	19.061.999.069	20.307.871.861
Tăng trong năm	18.555.828.956	11.976.218.664
Phân bổ trong năm	(14.546.291.872)	(13.222.091.456)
Số dư cuối năm	23.071.536.153	19.061.999.069

6. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	218.734.093.762	81.429.410.022	616.878.975.977	6.542.415.158	923.584.894.919
Tăng trong năm	2.637.254.914	3.456.965.469	43.504.969.020	77.272.727	49.676.462.130
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	2.600.139.713	2.903.501.833	43.093.086.724	-	48.596.728.270
- Mua trong năm	37.115.201	553.463.636	411.882.296	77.272.727	1.079.733.860
Giảm trong năm	(997.641.965)	(306.632.715)	(357.442.424)	(142.500.000)	(1.804.217.104)
- Giảm khác	(997.641.965)	(306.632.715)	(357.442.424)	(142.500.000)	(1.804.217.104)
Số cuối năm	220.373.706.711	84.579.742.776	660.026.502.573	6.477.187.885	971.457.139.945
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	50.566.283.868	16.543.113.383	180.411.062.321	655.494.546	248.175.954.118
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số đầu năm	110.931.524.470	44.628.156.132	348.655.983.917	3.296.345.152	507.512.009.671
Tăng trong năm	7.694.001.790	6.536.990.063	24.507.285.576	740.166.344	39.478.443.773
- Khấu hao	7.694.001.790	6.536.990.063	24.507.285.576	740.166.344	39.478.443.773
Giảm trong năm	(636.938.547)	(35.963.781)	(115.794.266)	(56.653.645)	(845.350.239)
- Giảm khác	(636.938.547)	(35.963.781)	(115.794.266)	(56.653.645)	(845.350.239)
Số cuối năm	117.988.587.713	51.129.182.414	373.047.475.227	3.979.857.851	546.145.103.205
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	107.802.569.292	36.801.253.890	268.222.992.060	3.246.070.006	416.072.885.248
Số cuối năm	102.385.118.998	33.450.560.362	286.979.027.346	2.497.330.034	425.312.036.740
Giá trị còn lại tài sản cầm cố, thế chấp (Xem tại thuyết minh số V.15)	54.658.216.350	3.871.276.859	131.835.413.910	-	190.364.907.119

7. Tài sản cố định vô hình

	Chương trình, phần mềm	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	1.338.000.000	1.338.000.000
Tăng trong năm	175.000.000	175.000.000
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.513.000.000	1.513.000.000
Trong đó:		
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.338.000.000	1.338.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số đầu năm	1.296.333.333	1.296.333.333
Khấu hao trong năm	51.315.069	51.315.069
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	1.347.648.402	1.347.648.402
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	41.666.667	41.666.667
Số cuối năm	165.351.598	165.351.598

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	10.000.000	834.787.114	(829.082.296)	(15.704.818)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	24.535.240.660	27.629.758.411	(46.174.047.354)	(93.699.462)	5.897.252.255
- Tuyến ống CN từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu Công nghiệp Giao Long	22.686.266.658	12.041.922.232	(34.071.063.145)	-	657.125.745
- Các công trình khác	1.848.974.002	15.587.836.179	(12.102.984.209)	(93.699.462)	5.240.126.510
Sửa chữa lớn TSCĐ	930.038.586	4.347.771.161	(2.422.680.916)	(2.764.726.491)	90.402.340
Cộng	25.475.279.246	32.812.316.686	(49.425.810.566)	(2.874.130.771)	5.987.654.595

9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	2.331.857.315	3.949.425.299
- Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Bến Tre	575.519.935	-
- Công ty CP Bơm và thiết bị Quang Phước	260.625.600	-
- Các nhà cung cấp khác	1.495.711.780	3.949.425.299
Cộng (*)	2.331.857.315	3.949.425.299

(*) Tại ngày 31.12.2024 không có các khoản nợ quá hạn.

10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là các khoản nhận ứng trước tiền cung cấp nước sạch tại các huyện.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
- Thuế GTGT đầu ra	278.370.154	-	3.876.775.569	(3.907.512.639)	247.633.084	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.470.224.352	-	11.962.535.854	(12.399.217.077)	2.033.543.129	-
- Thuế thu nhập cá nhân	64.846.100	-	343.168.658	(370.463.452)	37.551.306	-
- Thuế tài nguyên	144.529.754	-	869.672.006	(935.055.134)	79.146.626	-
- Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
- Phí bảo vệ môi trường	531.755.483	-	6.383.178.241	(6.405.118.007)	509.815.717	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	72.845.466	266.870.779	(194.100.838)	-	75.525
- Các loại thuế khác	-	-	366.807.150	(227.863.418)	138.943.732	-
Cộng	3.489.725.843	72.845.466	24.078.008.257	(24.448.330.565)	3.046.633.594	75.525

11a. Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

11b. Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	69.740.072.516	66.857.632.324
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	228.372.189	799.986.216
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	69.968.444.705	67.657.618.540
Thu nhập được ưu đãi thuế (*)	20.311.530.865	20.662.557.932
+ Thu nhập được giảm 50% thuế	20.311.530.865	20.662.557.932
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	13.993.688.941	13.531.523.708
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm (*)	(2.031.153.087)	(2.066.255.793)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	11.962.535.854	11.465.267.915

(*) Công ty được ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp khi thực hiện dự án đầu tư thuộc lĩnh vực, địa bàn ưu đãi thuế Tỉnh Bến Tre. Bao gồm: Dự án đầu tư Nhà máy nước An Hiệp và Dự án Hệ thống phân phối nước sạch huyện Mỏ Cày Bắc và huyện Mỏ Cày Nam (miễn thuế TNDN 4 năm kể từ năm 2017 và giảm 50% cho 9 năm tiếp theo, kể từ năm 2021).

12. Phải trả người lao động

Là quỹ tiền lương còn phải trả cho viên chức quản lý và cán bộ công nhân viên.

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Viên chức quản lý, kiểm soát viên	1.413.638.593	1.435.962.690
- Cán bộ công nhân viên	5.671.410.781	4.290.835.667
Cộng	7.085.049.374	5.726.798.357

13. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả của các ngân hàng.

14. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	696.455.982	2.989.470.918
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	97.146.732	65.000.000
- Các khoản phải trả ngắn hạn khác	599.309.250	2.924.470.918
Cộng	696.455.982	2.989.470.918

15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn

15a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	-	-	-
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	27.135.100.000	27.135.100.000	25.707.428.000	25.707.428.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000	18.512.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	5.087.100.000	5.087.100.000	4.543.428.000	4.543.428.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	3.536.000.000	3.536.000.000	2.652.000.000	2.652.000.000
Cộng	27.135.100.000	27.135.100.000	25.707.428.000	25.707.428.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Nợ dài hạn đến hạn trả	25.707.428.000	-	27.298.310.000	(25.870.638.000)	27.135.100.000
Cộng	25.707.428.000	-	27.298.310.000	(25.870.638.000)	27.135.100.000

15b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	45.475.518.282	45.475.518.282	61.703.551.519	61.703.551.519
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam – CN Bến Tre ⁽¹⁾	6.608.000.000	6.608.000.000	25.120.000.000	25.120.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Bến Tre ⁽²⁾	23.281.262.000	23.281.262.000	24.788.572.000	24.788.572.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	15.586.256.282	15.586.256.282	11.794.979.519	11.794.979.519
Cộng	45.475.518.282	45.475.518.282	61.703.551.519	61.703.551.519

⁽¹⁾ Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng vốn ODA theo Hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính (thay mặt cho nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) và Công ty CP Cấp thoát nước Bến Tre ngày 28/08/1997 và Phụ lục sửa đổi Hiệp định vay phụ ngày 28/04/2008.

- Hạn mức: 64.836.778.484 đồng;

- Thời hạn vay: 25 năm (ân hạn 5 năm từ ngày rút vốn đầu tiên của khoản vay vốn phụ);

- Lãi suất: 5%/năm;

- Tài sản đảm bảo: Theo Hợp đồng thế chấp số 03/2010/HĐCTS-NHPT-PC ngày 06/09/2010 gồm tài sản hình thành trong tương lai và trụ sở làm việc. Chi tiết xem tại Thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 6.480.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng 2025 là 4.322.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng vốn ODA do Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) tài trợ theo hợp đồng số 01/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 23/04/2013, hợp đồng sửa đổi số 01A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 19/06/2013, phụ lục hợp đồng số 01/2013/PLHĐODA-NHPTVN ngày 18/04/2014, hợp đồng sửa đổi số 02A/2013/HĐODA-NHPTVN ngày 02/07/2014

- Hạn mức: 177.360.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 15 năm (ân hạn 2,5 năm từ ngày giải ngân lần đầu);

- Lãi suất: 5%/năm (trong hạn), 7,5%/năm (quá hạn);

- Mục đích vay: Đầu tư xây dựng công trình Nhà máy nước An Hiệp huyện Châu Thành giai đoạn 1, công suất 15.000 m³/ngày;

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 18.640.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2025 là 14.190.000.000 đồng;

⁽²⁾ Là khoản vay của các hợp đồng sau:

a) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 27873.069/2022-HĐCVDĐT/NHCT780005-BEWACO ngày 30/12/2022.

- Hạn mức: 16.500.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng;

- Lãi suất: 13%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp;

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 12.360.000.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2025 là 2.472.000.000 đồng.

b) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 38670.084/2023-HĐCVDĐT/NHCT78005-BEWACO ngày 29/12/2023.

- Hạn mức: 25.000.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng;

- Lãi suất: 9%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);

- Mục đích vay: Vay bù đắp;

- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;

- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 12.428.572.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2025 là 2.071.428.000 đồng.

c) Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 14911.028/2024-HĐCVDĐT/NHCT78005-BEWACO ngày 02/08/2024.

- Hạn mức: 3.743.000.000 đồng;

- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 9%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay bù đắp;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai từ các dự án. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 3.579.790.000 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2025 là 543.672.000 đồng.

⁽³⁾ Khoản vay bằng dự án đầu tư do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Tre theo Hợp đồng số 01/2023/7928997/HĐTD ngày 20/06/2023.

- Hạn mức: 23.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 84 tháng;
- Lãi suất: 9,4%/năm (trong hạn), 150% lãi suất trong hạn (quá hạn);
- Mục đích vay: Vay thi công Gói 2: Ống CN D400 và D315 Dự án: Tuyến ống cấp nước từ Nhà máy nước Hữu Định về Khu công nghiệp Giao Long;
- Tài sản đảm bảo: Tài sản hình thành trong tương lai. Chi tiết xem tại thuyết minh số V.6 – Tài sản cố định hữu hình;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2024 là 19.122.256.282 đồng, trong đó khoản nợ vay đến hạn trả trong 12 tháng năm 2025 là 3.536.000.000 đồng.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Chuyển sang nợ ngắn hạn đến hạn trả	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	61.703.551.519	11.070.276.763	(27.298.310.000)	-	45.475.518.282
Cộng	61.703.551.519	11.070.276.763	(27.298.310.000)	-	45.475.518.282

16. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5.314.728.246	6.716.002.379	6.980.000	(8.423.005.831)	3.614.704.794
Quỹ khen thưởng ban điều hành	117.500.000	384.600.784	-	(392.100.784)	110.000.000
Cộng	5.432.228.246	7.100.603.163	6.980.000	(8.815.106.615)	3.724.704.794

17. Vốn chủ sở hữu

17a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục số 01 đính kèm.

17b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	188.160.000.000	64,00	188.160.000.000	64,00
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	51.095.100.000	17,38	51.095.100.000	17,38
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	44.100.000.000	15,00	44.100.000.000	15,00
- Khác	10.644.900.000	3,62	10.644.900.000	3,62
Cộng	294.000.000.000	100,00	294.000.000.000	100,00

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	294.000.000.000	294.000.000.000	-
Cộng	294.000.000.000	294.000.000.000	-

17c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	294.000.000.000	294.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	294.000.000.000	294.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã trích lập	35.280.000.000	17.640.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi	(35.280.000.000)	(27.136.962.875)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải chi	-	-

17d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	29.400.000	29.400.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP

17e. Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển dùng để đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

17f. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh năm 2023 theo Nghị quyết số 55/NQ-DHĐCĐ kí ngày 27/06/2024.

• Chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2023	:	35.280.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2023	:	1.016.002.379
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	:	164.600.784
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2023	:	5.331.761.246
Cộng		41.792.364.409

Trong năm, Công ty tạm phân phối lợi nhuận từ Kết quả kinh doanh của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 theo Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 27/06/2024.

• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	:	5.700.000.000
• Trích quỹ thưởng ban điều hành năm 2024	:	220.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2024	:	10.620.000.000
Cộng		16.540.000.000

18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

18a. Tài sản nhận giữ hộ

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên giá của tài sản cố định nhận giữ hộ (*)	15.258.623.359	15.258.623.359

(*) Những công trình từ nguồn vốn ngân sách, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bến Tre bàn giao cho Công ty giữ hộ.

18b. Nợ khó đòi đã xử lý

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	809.432.679	810.230.621

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (ĐVT: VNĐ)

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.1 Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu cung cấp nước sạch	240.359.840.976	222.942.092.471
- Doanh thu thi công tuyến cấp thoát nước	1.155.510.286	2.004.839.529
- Doanh thu từ hoạt động thu phí BVMT	656.705.580	647.718.422
- Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	164.746.256	165.025.755
Cộng	242.336.803.098	225.759.676.177

1.2 Doanh thu các bên liên quan

Trong năm, không phát sinh doanh thu với bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn cung cấp nước sạch	87.296.343.555	80.870.011.661
- Giá vốn thi công tuyến cấp thoát nước	1.149.344.779	1.956.555.606
- Giá vốn từ hoạt động thu phí BVMT	416.106.878	381.847.751
- Giá vốn bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	158.549.718	159.186.009
Cộng	89.020.344.930	83.367.601.027

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Toàn bộ là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí tài chính

Toàn bộ là chi phí lãi vay các ngân hàng.

5. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	11.459.748.085	11.472.622.094
- Chi phí vật liệu, công cụ	16.797.251.759	14.738.114.845
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.146.226.835	25.218.715.246
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.821.487	127.487.618
- Chi phí bằng tiền khác	1.464.025.777	1.631.541.624
Cộng	56.058.073.943	53.188.481.427

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí cho nhân viên	12.840.902.712	11.645.036.979
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.465.103.131	1.437.165.521
- Chi phí phân bổ	2.813.119.287	2.538.249.238
- Thuế, phí và lệ phí	33.304.309	33.379.832
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	890.748.869	289.952.422
- Chi phí bằng tiền khác	3.488.983.378	3.393.406.509
Cộng	21.532.161.686	19.337.190.501

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm nay
- Tiền phạt thu được	450.000.000	-
- Thanh lý tài sản - vật tư	-	1.305.117.553
- Các khoản khác	71.038.297	9.985.462
Cộng	521.038.297	1.315.103.015

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	11.962.535.854	11.465.267.915
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	11.962.535.854	11.465.267.915

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.777.536.662	55.392.364.409
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.857.536.662	47.791.761.246
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	29.400.000	29.400.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu) (**)	1.764	1.626

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 27/06/2024. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	57.777.536.662	55.392.364.409
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
+ Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành (*)	(5.920.000.000)	(7.600.603.163)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.857.536.662	47.791.761.246
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) (**)	29.400.000	29.400.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (cổ phiếu)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.764	1.626

(*) Số quỹ khen thưởng phúc lợi, thưởng ban điều hành trong năm là số tạm tính tỷ lệ nêu trong Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 27/06/2024. Số này có thể sẽ thay đổi và điều chỉnh khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu) được tính như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	29.400.000
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành thêm	-
- Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	29.400.000

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Chi tiết gồm:	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	49.851.316.955	46.130.609.964
- Chi phí nhân công	42.019.526.714	40.270.725.849
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	39.529.758.842	39.055.556.723
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.818.924.372	4.143.042.289
- Chi phí bằng tiền khác	27.391.053.676	26.293.338.130
Cộng	166.610.580.559	155.893.272.955

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

3. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

3a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tiền lương	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	616.556.160	627.478.560
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	583.228.800	593.560.800
Phan Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám Đốc	520.164.384	529.397.076
Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám Đốc	520.164.384	308.814.961
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	520.164.384	529.397.076
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	474.932.711	488.157.797
Cộng		3.235.210.823	3.076.806.270
Thù lao	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Phan Đình Tân	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
Nguyễn Thị Kim Phượng	Thành viên HĐQT	-	30.000.000
Nguyễn Thy Phương	Thành viên HĐQT	60.000.000	30.000.000
Nguyễn Đình Huấn	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Ngô Thị Hồng Vân	Thành viên BKS	54.000.000	54.000.000
Nguyễn Trung Hiếu	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Lê Thị Hồng Thắm	Thư ký	42.000.000	42.000.000
Cộng		312.000.000	312.000.000
Cổ tức	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
Trần Hùng	Chủ tịch HĐQT	9.324.000	8.547.000
Trần Thanh Bình	Thành viên HĐQT, Tổng Giám Đốc	7.560.000	6.930.000
Phan Thanh Bình	Phó Tổng Giám Đốc	1.638.000	1.501.500
Phan Thành Nhân	Phó Tổng Giám Đốc	20.538.000	18.826.500
Lê Văn Phong	Trưởng BKS	15.876.000	14.553.000
Võ Thị Thiên Trang	Kế toán trưởng	25.038.000	22.951.500
Cộng		79.974.000	73.309.500

3b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre	Cổ đông sở hữu 64,00 % cổ phần
- Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh	Cổ đông sở hữu 17,38 % cổ phần
- Công ty TNHH Hoàn Cầu	Cổ đông sở hữu 15,00 % cổ phần

Giao dịch với các bên liên quan khác trong năm gồm:

	Năm nay	Năm trước
Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre		
- Trả cổ tức	22.579.200.000	20.697.600.000
Công ty CP Cấp thoát nước Thủy Anh		
- Trả cổ tức	6.131.412.000	5.620.461.000
Công ty TNHH Hoàn Cầu		
- Trả cổ tức	5.292.000.000	4.851.000.000

4. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

4a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Cung cấp nước sạch;
- Thi công tuyến cấp thoát nước;
- Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ.

	Cung cấp nước sạch	Thi công tuyến cấp thoát nước	Hoạt động thu phí BVMT	Doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng	240.359.840.976	1.155.510.286	656.705.580	164.746.256	242.336.803.098
Giá vốn hàng bán	87.296.343.555	1.149.344.779	416.106.878	158.549.718	89.020.344.930
Lãi gộp	153.063.497.421	6.165.507	240.598.702	6.196.538	153.316.458.168
Tỷ lệ lãi gộp	63,68%	0,53%	36,64%	3,76%	63,27%
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng	222.942.092.471	2.004.839.529	647.718.422	165.025.755	225.759.676.177
Giá vốn hàng bán	80.870.011.661	1.956.555.606	381.847.751	159.186.009	83.367.601.027
Lãi gộp	142.072.080.810	48.283.923	265.870.671	5.839.746	142.392.075.150
Tỷ lệ lãi gộp	63,73%	2,41%	41,05%	3,54%	63,07%

4b. Khu vực địa lý

Trong năm, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

5. Số liệu so sánh

	Mã số	Số liệu trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
		điều chỉnh		(2)+(3)
	(1)	(2)	(3)	(2)+(3)
Kết quả kinh doanh				
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.666	(40)	1.626
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.666	(40)	1.626

Số liệu chỉ tiêu lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được tạm trích. Kỳ này, Lợi nhuận năm 2023 được phân phối thực tế theo Nghị quyết số 55/NQ-ĐHĐCĐ kí ngày 27/06/2024.

6. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho đơn vị khác cũng như tài sản nhận thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

7. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Bến Tre, ngày 27 tháng 3 năm 2025.

Người lập biểu

NGUYỄN DUY HIỀN

Kế toán trưởng

VÕ THỊ THIÊN TRANG

Chủ tịch HĐQT

TRẦN HÙNG

PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2023	294.000.000.000	82.003.265.065	35.279.502.158	411.282.767.223
Tăng trong năm	-	13.059.502.158	55.392.364.409	68.451.866.567
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	13.059.502.158	-	13.059.502.158
- Lợi trong năm	-	-	55.392.364.409	55.392.364.409
Giảm trong năm				
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2022	-	-	(37.119.502.158)	(37.119.502.158)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại của năm 2022	-	-	(2.939.502.158)	(2.939.502.158)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	(17.640.000.000)	(17.640.000.000)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	-	-	(6.200.000.000)	(6.200.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2023	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	294.000.000.000	95.062.767.223	53.552.364.409	442.615.131.632
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024				
Số dư tại ngày 01 tháng 1 năm 2024	294.000.000.000	95.062.767.223	53.552.364.409	442.615.131.632
Tăng trong năm	-	15.951.761.246	57.777.536.662	73.729.297.908
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	15.951.761.246	-	15.951.761.246
- Lợi trong năm	-	-	57.777.536.662	57.777.536.662
Giảm trong năm				
- Trích quỹ đầu tư phát triển theo phân phối lợi nhuận năm 2023	-	-	(58.332.364.409)	(58.332.364.409)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023	-	-	(5.331.761.246)	(5.331.761.246)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	-	-	(1.016.002.379)	(1.016.002.379)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2023	-	-	(164.600.784)	(164.600.784)
- Chia cổ tức từ lợi nhuận còn lại của năm 2023	-	-	(35.280.000.000)	(35.280.000.000)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2024	-	-	(5.700.000.000)	(5.700.000.000)
- Trích Quỹ thưởng ban điều hành năm 2024	-	-	(220.000.000)	(220.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2024	-	-	(10.620.000.000)	(10.620.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	294.000.000.000	111.014.528.469	53.997.536.662	458.012.065.131

Người lập biểu

(Signature)

NGUYỄN DUY HIẾN

Kế toán trưởng

(Signature)

VÔ THỊ THIÊN TRANG

Đã ký, ngày 18 tháng 3 năm 2025

(Signature)
 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE
 TP. BẾN TRE - T. BẾN HÙNG

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời với Báo cáo tài chính

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE

Bến Tre, ngày 18 tháng 04 năm 2025

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN HÙNG

Trần Hùng

Digitally signed by Trần Hùng
 DN: C=VN, S=BẾN TRE, L=Thành phố Bến Tre, O=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE, OU=CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE, T=Chủ tịch HĐQT, CN=Trần Hùng, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=C
 CCD:083072000742
 Reason: I am the author of this document
 Location:
 Date: 2025-04-18 17:49:20





CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP THOÁT NƯỚC BẾN TRE